

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Tú Xương (I)

#### Tiểu sử

Tên Trần Tế Xương, tự Mặc Trai, hiệu Mộng Tích, Tử Thịnh.  
Sinh ngày 5.9.1870 (10 tháng 8 năm Canh Ngọ),  
ở làng Vị Xuyên, tỉnh Nam Định.

#### Tác phẩm

(Xem *Vài hàng về tác giả*)



### Mục Lục

Vài hàng về tác giả	– 2
Về xuất xứ bức tranh nhà thơ Tú Xương	– Phạm Trọng Thành - 6
Thương cả đời bạc	- Nguyễn Huy Thiệp – 9
Tú Xương với tài dịch thơ chữ Hán	- Phạm Trọng Thành – 18
Tú Xương	– Vương Trí Nhàn - 22
Đâu chỉ "Một trà, một rượu, một đàn bà"	- Cười 24H – 27
Giải ảo tình khúc áo bông	– Phanxipăng – 30
Nhà thơ Tú Xương	– Lại Nguyên Ân – 33

#### Phụ đính :

Mấy câu thơ trên bia mộ Trần Tế Xương, sửa sao cho đúng?  
Trần Tế Xương (1871-1907)

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

## Vài hàng về tác giả



### Hoàn cảnh lịch sử

- Trần Tế Xương sinh ra vào ngày 5 - 9 - 1870 (tức 10 - 8 AL) tại số nhà 247 phố Hàng Nâu thành phố Nam Định với tên húy là Trần Duy Uyên.
- Ông thuộc dòng dõi nho gia, vốn là họ Phạm, đổi thành họ Trần là bởi vào đời Nhà Trần lập công lớn được phong quốc tính (vua cho đổi theo họ nhà vua). Ông nội Trần Tế Xương tên là Trần Duy Năng. Thân sinh của Trần Tế Xương là cụ Trần Duy Nhuận cũng là một nhà nho, thi nhiều khoa không đậu, sau làm Tự thừa ở dinh đốc học Nam Định, sinh được 9 người con, 6 trai, 3 gái, Tú Xương là con trưởng. Trong tất cả các tài liệu nói về Tú Xương đều không thấy có ảnh, nhưng dáng hình cụ Tú được người bạn học là hạc phong Lương Ngọc Tùng viết trong bài thơ "Nhớ rõ hình dung ..."  
Cùng làng, cùng phố, học cùng trường  
Nhớ rõ hình dung cụ Tú Xương,  
Trán rộng, tai dày, da tựa tuyết,  
Mồm tươi, mũi thẳng, mắt như gương.  
Tiếng vàng sang sảng ngâm thơ phú,  
Gót ngọc khoan khoan dạo phố phường.  
Mấy chục năm trời đã vắng bóng,  
Nghìn năm còn rạng dấu thư hương.<sup>[4]</sup>
- Cuộc đời ngắn ngủi có 37 năm của ông đã nằm gọn trong một giai đoạn bi thương nhất của đất nước. Trước lúc ông ra đời 3 năm thì 6 tỉnh nam kỳ mất trọn cho Pháp. Tú Xương lên 3 thì Bắc Kỳ trong đó có Nam Định bị tấn công lần thứ nhất. Tú Xương 12 tuổi, Bắc Kỳ, Nam Định bị tấn công lần thứ 2 và mất nốt. Hiệp ước Harmand 1883 rồi hiệp ước Patenôtre 1884 thừa nhận quyền thống trị của Pháp trên đất Việt Nam. các phong trào kháng chiến chống Pháp diễn ra sôi nổi nhưng lần lượt thất bại. Tú Xương sinh ra và lớn lên trong bối cảnh sục sôi và bi thương đó.
- Tú Xương lấy vợ năm 16 tuổi, vợ ông là bà Phạm Thị Mẫn.
- Ông đi thi từ lúc 17 tuổi, đó là khoa Bính Tuất (1886). Các tài liệu khác chép nhầm là khoa Ất Dậu (1885)<sup>[5]</sup>

### Cuộc sống sự nghiệp



Chòi canh  
Trưởng Nam-đình, khoa Đinh-Dậu (1897)  
Lần đầu Tú Xương đổi danh ông Tú đi thi.

- Cuộc đời của Trần Tế Xương là cuộc đời của một nghệ sĩ. Ông thuộc loại "dài lưng tốn vải" như trong bài *Hỏi ông trời* của ông:

*Ta lên ta hỏi ông trời:*

*Trời sinh ta ở trên đời biết chi?*

*Biết chẳng cũng chẳng biết gì:*

*Biết ngôi Thông Bảo, biết đi á đầu*

*Biết thuốc lá, biết chè tàu*

*Cao lâu biết vị, hồng lâu biết mùi*

- Mọi chi tiêu trong gia đình đều do một tay bà Tú lo liệu. Điều đó đã đi vào thơ ca của ông: *Tiền bạc phó cho con mụ kiếm* hoặc là *Hỏi ra quan ấy ăn lương vợ* hay là *Nuôi đủ năm con với một chồng*, rồi ông cũng tự cười mình trong bài *Phống sành*:

*Ở phố Hàng Nâu có phống sành*

*Mắt thời thao láo, mặt thời xanh*

*Vuốt râu nịnh vợ, con bu nó*

*Quắc mắt khinh đời, cái bộ anh*

*Bài bạc kiệu cờ cao nhất xứ*

*Rượu chè trai gái đủ tam khoanh*

*Thế mà cứ nghĩ rằng ta giỏi,*

*Cứ việc ăn chơi chẳng học hành*

- Cuộc đời ông chỉ gắn liền với thi cử, tính ra có tất cả 8 lần. Đó là các khoa: Bính Tuất (1886); Mậu Tý (1888); Tân Mão (1891); Giáp Ngọ (1894); Đinh Dậu (1897); Canh Tý (1900); Quý Mão (1903) và Bính Ngọ (1906). Sau 3 lần hỏng thi mãi đến lần thứ tư khoa Giáp Ngọ (1894) ông mới đậu tú tài, nhưng cũng chỉ là tú tài thiên thủ (lấy thêm). Sau đó không sao lên nổi cử nhân, mặc dù đã khá kiên trì theo đuổi.
- Khoa Quý Mão (1903) Trần Tế Xương đổi tên thành Trần Cao Xương tưởng rằng bớt đen đui, nhưng rồi hỏng vẫn hoàn hỏng, đến phát cẩu lên:

*Tế đổi làm cao mà chó thế,*

*Kiên trông ra tiếp hỏi trời ôi !*

Xã hội bấy giờ, cái bằng tú tài thuộc loại dang dở dang (tú tài không được thi Hội, cử nhân mới được thi, tú tài không được bổ quan, cử nhân mới được bổ). Cho nên đậu tú tài, muốn đậu cử nhân phải đợi 3 năm sau thi lại.

- Cuộc sống của ông về vật chất rất thiếu thốn. Đúng năm ông đậu tú tài (1894) thì ngôi nhà số 247 phố Hàng Nâu (nay là phố Minh Khai) bị cháy. Cụ Nhuận làm lại xây bằng gạch *Ông tu tác cửa cao nhà rộng, toan để cho dẫu*, câu thơ đó là Tú Xương nhắc đến

sự kiện này, nhưng rồi ngôi nhà đó lại bị bà Hai An chiếm đoạt. Tú Xương đã phải than: *Nhà cửa giao canh nợ phải bồi*. Nghèo đói đã cửa xé Tú Xương. Sự đều cang đã vả vào Tú Xương. Hoàn cảnh đó được in đậm trong thơ phú của Tú Xương sự vất vả, cay cú, phát phẫn, buồn phiền.

### Gia đình

Họ Phạm làng Lương Đường, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương có nhiều người đỗ đạt. Tú Xương nhắc *Chẳng những Lương Đường có thủ khoa* là nhắc đến làng quê của vợ ông. Gia đình bà Phạm Thị Mẫn đến đời bố mẹ thì dời sang sinh sống ở Nam Định. Bà Mẫn sinh trưởng tại đây. Cuộc kết hôn giữa ông Tú với bà là từ hoàn cảnh gần gũi đó. Bà sinh cho ông được 8 người con, trong đó có 6 trai và 2 gái. Bà Tú là một phụ nữ tiêu biểu cho phụ nữ Việt Nam xưa ở nhiều phương diện như tần tảo, thương chồng, thương con, nhẫn nại quên mình. Công việc kiếm sống cho gia đình của bà là buôn bán nhỏ (tiểu thương). Điều đặc biệt là chính bà đã đi vào thi phẩm của ông chồng như một nhân vật điển hình hấp dẫn. Khi mất ngôi nhà số 247 phố Hàng Nâu của ông nội và bố để lại.



Gia đình ông Tú chuyển đến nhà số 280 cùng phố mà sau này địa phương đã xếp hạng là di tích lưu niệm Tú Xương chính là do mẹ vợ nhà thơ (bà Hai Sửu) chia cho con gái.



### Về văn bản tác phẩm

Văn bản tác phẩm của Tú Xương hết sức phức tạp. Không có di cảo. Sinh thời, nhà thơ sáng tác dường như chỉ để tiêu sầu hoặc mua vui, thơ làm đọc lên cho vợ con, bạn bè nghe, rồi tùy ý truyền khẩu. Lại 3 năm một lần thi hương, sĩ tử cả Bắc Kỳ tụ hội về đây, thơ hay được lan truyền càng rộng rãi. Vì thế thơ Tú Xương càng dễ bị lẫn lộn.

Lúc đầu chỉ là các bài sưu tầm đăng giải rắc trên tạp chí Nam Phong (các năm 1918, 1919, 1920, 1926). Tiếp đến sách "Văn đàn bảo giám (quyển 3)" của Trần Trung Viên, Nam Ký thư quán Hà Nội 1926, giới thiệu 79 tác phẩm, trong đó phần lớn đã được đăng ở Nam Phong. Từ đó lần lượt xuất hiện những sách chuyên đề về Tú Xương. Có 2 văn bản chữ nôm hiện còn lưu giữ ở thư viện Hán - Nôm đó là *Vị thành giai cú tập biên* (ký hiệu AB.194) ghi rõ "Nam Định

Vị Xuyên tú tài Phượng Tường Trần Cao Xương Tử Thịnh trước tập" và *Quốc văn tùy ký* (ký hiệu AB.383). Có 10 lần xuất bản bằng chữ quốc ngữ với những văn bản sau:

- 1 Vị Xuyên thi văn tập của Sở Cường (tức Lê Dư), Nam Kỳ thư quán 1931 (sau có tái bản), giới thiệu 174 tác phẩm gồm thơ, phú, câu đối. Mà sau này các sách khác thừa hưởng kết quả. Nhưng chép nhầm tên ông là Trần Kế Xương.
- 2 Trông giòong sông Vị (Văn chương và thân thế Trần Tế Xương) của Trần Thanh Mại; Trần Thanh Địch 1935 lần thứ nhất ở Huế sau tái bản nhiều lần.
- 3 Tú Xương thi tập, do nhà sách Phúc Chí, 95 Hàng Bồ, Hà Nội 1950, giới thiệu 75 bài thơ phú
- 4 Thân thế và thơ văn Tú Xương của Vũ Đăng Văn, Nhà xuất bản Cây Thông, Hà Nội 1951. Đính chính tên nhà thơ là Trần Tế Xương (không phải Kế) và giới thiệu 181 tác phẩm.

Những sách này là từ trước 1954, sưu tầm khảo cứu về nhà thơ cũng chưa được đặt ra, nếu không kể đến cuốn *Trông giòong sông Vị*.

- 5 Văn thơ Trần Tế Xương Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội 1957. Giới thiệu chính thức 125 bài và đưa 55 bài vào phần tồn nghi.
- 6 Hai quan niệm sai lầm về Tú Xương của Trần Thanh Mại nhân dịp lần thứ 50 ngày giỗ Tú Xương.
- 7 Tú Xương con người và nhà thơ của Trần Thanh Mại, Trần Tuấn Lộ, nhà xuất bản Văn hóa 1961 Giới thiệu 193 bài chính thức, 17 bài tồn nghi.
- 8 Thơ Trần Tế Xương , Ty văn hóa Nam Hà, 1970. Bài tiểu luận của Xuân Diệu in lần đầu tiên ở đây, có nhiều phát hiện lý thú. Còn tác phẩm chỉ tuyển chọn chẵn 100 bài. Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhà thơ.
- 9 Thơ văn Trần Tế Xương, nhà xuất bản Văn học, 1970 có sự tham gia của Nguyễn Công Hoan chọn 151 tác phẩm và 22 bài tồn nghi.
- 10 Thơ văn Trần Tế Xương , Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội 1984. Cuốn này sao gần như hoàn toàn cuốn 9.
- Chỉ có cuốn *Tú Xương tác phẩm giai thoại* của nhóm Nguyễn Văn Huyền (chủ biên), Đỗ Huy Vinh, Mai Anh Tuấn và người giới thiệu giáo sư: Nguyễn Đình Chú, Hội văn học nghệ thuật Hà Nam Ninh - 1986 là một công trình nghiên cứu kỹ lưỡng và công phu. Loại ra các tác phẩm không phải của tác giả, so sánh, đối chiếu các bản đã in ở những lần xuất bản trước, chọn ra 134 bài là của Tú Xương và loại ra 68 bài (có chú dẫn nguyên nhân loại ra cho từng bài một). Bài viết này lấy tư liệu chủ yếu ở cuốn sách đó.
- Sau này nhất là thời mở cửa việc xuất bản tràn lan không được kiểm định kỹ đã lấy tư liệu ở các nguồn khác nhau kể trên, điều đó cũng giải thích tại sao các Blog lại đưa ra các tư liệu khác nhau về Tú Xương.

## Về đánh giá tác phẩm

Nói đến tài làm thơ của Tú Xương, nhiều người đã đặc biệt chú ý đến sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố hiện thực, trào phúng và trữ tình, trong đó trữ tình là gốc. Với Tú Xương , vẫn chưa thấy chắc chắn có bài thơ chữ Hán nào, chỉ thấy thơ Nôm viết bằng các thể loại cổ điển: thơ luật Đường: thất ngôn bát cú, tứ tuyệt; phú; văn tế; câu đối; hát nói; lục bát. Ở thể loại nào Tú Xương cũng tỏ ra là một nghệ sĩ bậc thầy.

- Nguyễn Công Hoan suy tôn Tú Xương là bậc *thần thơ thánh chữ*
- Xuân Diệu xếp hạng Tú Xương thứ 5 sau ba thi hào dân tộc (Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương) và Đoàn Thị Điểm
- Tản Đà khi còn sống "trong những thi sĩ tiền bối, phục nhất Tú Xương" (Xuân Diệu kể vậy). Tản Đà tự nhận trong đời thơ của mình "mới dịch nổi Tú Xương một lần thôi bằng chữ vèo trong bài thơ Cảm thu, Tiễn thu của ông: *Vèo trông lá rụng đầy sân*. Nguyễn công Hoan cũng kể vậy.

- Nguyễn Tuân biểu dương Tú Xương là: *một người thơ, một nhà thơ vốn nhiều công đức trong cuộc trường kỳ xây dựng tiếng nói văn học của dân tộc Việt Nam*
- Với Tú Xương, còn là hiện tượng hiếm trong lịch sử tác gia Việt Nam: Tú Xương Có "môn Phái", "môn đệ". Tên của ông là Trần Tế Xương. Có lúc đổi thành Trần Cao Xương. Nhưng đây là chữ *xương* với nghĩa "thịnh vượng" (còn có nghĩa là đẹp, thẳng). Sách xưa có chữ "Đức giả xương" (người có đức, thịnh vậy). Không phải là xương theo nghĩa xương thịt. Nhưng người đời sau, mấy vị chuyên làm thơ trào phúng đã cố tình đùa nghịch và "xuyên tạc", gán cho cái nghĩa xương thịt, để rồi tự nguyện suy tôn Tú Xương (thịt) lên bậc tổ sư, còn mình là môn đệ. Và như thế là lịch sử văn học Việt Nam ở thế kỷ 20 bỗng nhiên có một "môn phái" gồm Tú Xương, rồi Tú Mỡ, Tú Sụn, Cử Nạc và thêm "chi phái": Tú Poanh, Đồ Phồn cũng là dòng tú, cử, đồ với nhau cả. !

### Chú thích

1. ^Tú Xương tác phẩm giai thoại, Nguyễn Văn Huyền (chủ biên), hội văn học nghệ thuật Hà Nam Ninh, 1986, lời giới thiệu
2. ^ Câu nói của Xanturkôp Sêđrin, nhà văn Nga (1826 - 1889)
3. ^ Có người cho rằng hai câu thơ trên là hai câu đối ở hai cột lẳng của Đoàn Triển tại làng Hữu Thanh Oai, Hà Nội "Đoàn Triển (1854 - 1919) hiệu Mai Viên, quê làng Hữu Thanh Oai, Hà Nội, đậu cử nhân, làm quan đến hàm Hiệp biện đại học sĩ, có trước tác"
4. ^ Bài này được Trần Lê Văn đăng trong (Tú Xương:"Khi cười khi khóc khi than thở"). NXB Lao động, 2000
5. ^ Vì ba năm thi một lần nên nhiều tài liệu chép nhầm là khoa Ất Dậu (1885). Thực ra , năm ấy xảy ra sự biến Tôn Thất Thuyết đánh úp quân Pháp ở Huế rồi bị thất bại, vì thế khoa thi năm ấy bị bãi không tổ chức được. Vua Đồng Khánh lên ngôi, năm sau (1886) mới mở tiếp, gọi là ân khoa

### Về xuất xứ bức tranh nhà thơ Tú Xương

#### Phạm Trọng Thành



Báo Văn nghệ số Xuân Tân Mão, mục *Đời sống văn hoá văn nghệ*, trang 19, sau bài "Về mấy câu thơ trên bia mộ cụ Tú Xương" của nhà văn Trần Đức Tiến, báo in kèm bức tranh với lời chú dẫn: "*Bức tranh thường được các báo in với lời chú thích là "Nhà thơ Tú Xương" mà không ghi chú xuất xứ từ đâu? Và căn cứ vào yếu tố nào để họa sĩ thực hiện bức vẽ?"*

\*\*\*

Mang theo tờ báo *Văn nghệ số Xuân* làm quà biếu, tôi tìm đến số nhà 20/177 đường Hưng Yên, Nam Định, nơi cháu đích tôn nhà thơ Trần Tế Xương - ông Trần Ngọc Hồ thường trú. Sau Tết các con cháu của hai ông bà, người vào Sài Gòn, người ở Nam Định đã trở lại công việc thường ngày của họ. Chỉ có có hai ông bà - cháu trai, cháu dâu của nhà thơ đón khách. Ông Trần Ngọc Hồ, 85 tuổi, là con cụ Bột tức Trần Bạch Khuê - con thứ nhà thơ Tú Xương.

Bà Trần Thị Sửu, vợ ông, 76 tuổi, công nhân máy Sợi nghỉ mất sức nhiều năm nay. Căn nhà hẹp sâu trong ngõ hẻm, hai người già cẩn thận kê ghế, bước lên thắp hương cho khách làm lễ.



**Ông Trần Ngọc Hồ trước ban thờ có ảnh chụp bức tranh "Nhà thơ Tú Xương" tại số nhà 20/177, đường Hưng Yên, T.P. Nam Định (ảnh Phạm Trọng Thành)**

Bức tranh "Nhà thơ Tú Xương" lồng trong khung kính treo chính giữa ban thờ. Bài báo của nhà văn Trần Đức Tiến được đọc to lên trước ban thờ cụ Tú. Về xúc động, cảm kích hiện lên trong ánh mắt, giọng nói người già. Lòng kính yêu nhà thơ non Côi sông Vị không chỉ riêng của người Nam Định. Cuộc đời và sự nghiệp nhà thơ Tú Xương gắn bó mật thiết với Thành Nam, Nam Định những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Nhiều thế hệ bạn đọc trong Nam, ngoài Bắc tìm về Nam Định, viếng mộ nhà thơ. Các cụ cao niên ở tận thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp trong hành trình xe đạp xuyên Việt, ghé thăm ngôi nhà cũ số 280 Hàng Nâu (nay là phố Minh Khai) nơi gia đình nhà thơ từng sinh sống từ năm 1900 đến năm 1950, một địa chỉ văn học thân thiết đã ghi danh trong các công trình biên khảo, trong văn học sử nước nhà. Ông Trần Ngọc Hồ kể rằng sinh thời nhà thơ Tú Xương không thích chụp ảnh mặc dù ông nội ông từng được mời "đề thơ" trên ảnh bạn bè:

*Cử Thăng, Huấn Mỹ, Tú Tây Hồ  
Ba bác chung nhau một cái đồ  
Mới biết trời cho sum họp mặt  
Thôi đừng chê nhỏ với cười to!*

Nhiều năm sau ngày nhà thơ qua đời, cụ Hạc Phong Lương Ngọc Tùng, một người bạn học của Tú Xương viết bài thơ "Nhớ rõ hình dung", phác họa chân dung nhà thơ non Côi Sông Vị:



*Cùng làng, cùng phố, học cùng trường  
Nhớ rõ hình dung cụ Tú Xương:  
Trán rộng, tai dày, da tựa tuyết,  
Mồm tươi, mũi thẳng, mắt như gương.  
Tiếng vàng sang sảng ngâm thơ phú,  
Gót ngọc khoan thai dạo phố phường.  
Mấy chục năm trời đà vắng bóng  
Nghìn năm còn rạng dấu thư hương.*

"Bài thơ chân dung" này giúp chúng ta "hình dung" nhà thơ Tú Xương khá "điển trai": miệng tươi, mũi thẳng, mắt sáng, giọng nói hay, phong thái đàng hoàng... khác xa những nét biếm họa tự trào ông viết về mình, nào là "*Con người phong nhã/ Ở chốn thị thành /Râu rậm như chổi/ Đầu to tấy giảnh*" (Phú thầy đồ); nào là "*Ở phố Hàng Nâu có phỏng sành/ Mắt thời thao láo, mặt thời xanh*" (Tự cười mình).

Ông Trần Ngọc Hồ cho biết: bức họa chân dung Tú Xương gia đình ông có được là do một họa sĩ ở Nam Định vẽ lại theo trí nhớ, rất giống cụ Tú, gia đình chụp lại làm ảnh thờ.

Cũng nói về xuất xứ bức tranh "Nhà thơ Tú Xương", nhà thơ Trần Lê Văn trong cuốn *Tú Xương "khi cười, khi khóc, khi than thở"* (NXB Lao Động, 2000), trang 85 viết: "Ông Tú, bà Tú không có ảnh để lại. Thế mà chúng tôi, những người đồng hương Vị Xuyên mỗi khi đến nhà bạn Trần Ngọc Tiến, nhạc sĩ, cháu nội nhà thơ Tú Xương (số 5 Hàng Chuối, Hà Nội) thắp hương tưởng nhớ nhà thơ, lại được chiêm ngưỡng tấm ảnh ông Tú, bà Tú đặt trên bàn thờ. Vậy tấm ảnh này ở đâu ra? Nghe chuyện, tôi được biết đó là ảnh chụp bức tranh chân dung do ông NGYM (tức Trần Quang Trân) họa sĩ già, vẽ theo trí tưởng tượng (phần nào dựa vào trí nhớ, vì thuở nhỏ, rất nhỏ, có thể ông NGYM đã được trông thấy ông Tú và bà Tú)... Chẳng biết do "linh ứng" thế nào mà bức chân dung vẽ theo trí tưởng tượng là chính đó lại được lại được những người có tuổi trong gia đình như bà Trần Thị Nhâm và ông Trần Ngọc Tiến... đều nhận là giống hệt ông Tú bà Tú. Bức ảnh chụp chân dung này, chúng tôi đã công bố lần đầu tiên trong báo *Văn nghệ* số ra ngày 15-12-1990" (Kỷ niệm 120 năm ngày sinh nhà thơ Tú Xương).

Sau khi ghi lại tấm hình có bức tranh "Nhà thơ Tú Xương", tôi cáo từ ra về. Ông Trần Ngọc Hồ nhờ tôi chuyển lời cảm ơn nhà văn Trần Đức Tiến và báo *Văn nghệ Công an* đã đăng bài "*Về mấy câu thơ trên bia mộ cụ Tú Xương*", góp phần đính chính những chữ khắc sai trên bia mộ nhà thơ tại công viên Vị Xuyên thành phố Nam Định.

*Nam Định tháng 2-2011*



## Thương cả đời bạc Nguyễn Huy Thiệp

### Mở đầu

#### I

Trước khi đi Nhật Bản, Đặng Tử Mẫn nghe lời Đặng Tử Kính qua Nam Định để gặp Nguyễn Thượng Hiền, Tăng Bạt Hổ. Đến chợ Rồng, Đặng kéo cụ Khổng người làng Định Trạch, vốn trước kia là đốc biện quân lương của Nguyễn Quang Bích. Khổng cho Đặng biết Phan Bội Châu mới từ Nghệ An ra Nam Định:

- Cụ Phan đang ở nhà tôi.

Chỗ hai người đứng nói chuyện với nhau là một phiến đá vuông dùng để đập lúa nhưng vỡ một góc, nên người ta dùng nó lát đường. Trước khi cháy chợ Rồng năm 1987, người ta vẫn thấy phiến đá ấy lát trước quầy bán cá khô của bà Hai Oanh.

- Thừa cụ, nếu thế thì cụ phải cho tôi gặp được cụ Phan.

Khoảng thời gian đang kể đây là khoảng trước Tết Nguyên đán năm ất Ty 1905 chừng mấy ngày.

Quang cảnh chợ Rồng vui và nhộn nhịp sẽ được tả sau ở cuối chuyện này.

Cụ Khổng dẫn Đặng Tử Mẫn len lỏi vào chợ.

Tới gian hàng vải, cụ Khổng giới thiệu Đặng với cụ Đồng Thịnh là người giữ bát họ có danh tiếng ở chợ Rồng:

- ông Đặng là người hào kiệt.

Cụ Đồng Thịnh bảo:

- Chúng tôi đều nghe danh ông. „Văn kỳ thanh, bất kiến kỳ hình“.

Đặng bảo:

- Thành Nam là nơi có nhiều hào kiệt. Cụ Khổng bảo:

- Đây là ngày trước.

Cụ Đồng Thịnh bảo:

- Nhất Tú Xương.

### Một

Tiểu sử Tú Xương

Trần Duy Uyên, tức Trần Tế Xương, tức Trần Kế Xương, tức Trần Cao Xương, tức Tú Xương, sinh năm Canh Ngọ 1870, mất năm Bính Ngọ 1907, hưởng dương 37 tuổi. Quê Tú Xương ở làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Đất Vị Xuyên được Tú Xương kể lại:

Có đất nào như đất ấy không?

Phố phường tiếp giáp với bờ sông

Nhà kia lối phép con khinh bố

Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.

Keo cú người đâu như cứt sắt,

Tham lam chuyện thờ rặt hơi đồng.

Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh:

Có đất nào như đất ấy không?

Tú Xương là con trai cả cụ Trần Duy Nhuận. Cụ Nhuận có 9 người con, trong đó có 6 người con trai và 3 con gái. Sáu con trai tên là Uyên, Ngự, Nguyên, Thiệp, Câu, Trùng. Ba con gái tên là Khiết, Tịnh, Vân.

Tú Xương lấy vợ, vợ tên là Phạm Thị Mẫn, hơn Tú Xương một tuổi, mất năm 1931, quê ở làng Lương Đường, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, nhưng sinh ở Nam Định. Vợ Tú Xương làm nghề buôn bán gạo. Tú Xương có 6 người con trai tên là Bành, Bột, Bái, Uông, Lãng, Chử. Tú Xương học chữ Hán, sống trong buổi giao thời chuyển từ chữ Hán sang chữ Quốc ngữ. Tú Xương mộng công danh theo thói đời, theo đường thi cử, đi thi 8 lần, nhưng hỏng 7 lần, chỉ đỗ một lần: kỳ thi Ất Dậu 1885: hỏng, Mậu Tý 1888: hỏng, Tân Mão 1891: hỏng, Giáp Ngọ 1894: đỗ tú tài, Đinh Dậu 1897: hỏng, Canh Tý 1900: hỏng, Quý Mão 1903: hỏng, Bính Ngọ 1906: hỏng.

Kỳ thi năm Giáp Ngọ 1894, Tú Xương đỗ tú tài được một người Pháp tên là Buaranh tả lại như sau: „Trường thi Nam Định năm 1894, đông như kiến cỏ. Năm 1891, Nam Định chỉ có 9000 sĩ tử năm 1894, con số người đi thi lên tới 11000. Từ giữa trường thi, chỗ đường thập đạo trông ra, trùng trùng điệp điệp những mu rùa bằng tre, những tấm mui luyện nhà đồ (tức là những thi cụ lều chõng). Kỳ đệ nhất vào ngày 25-10-1894. Kỳ đệ nhị, ngày 15-11. Kỳ đệ tam 25-11. Và kỳ phúc hạch đệ tứ là ngày 1-2-1894. Ngày 8- 12- 1894 là lễ xướng danh những người đỗ. Tiếng loa ran lên, ồm ồm lạnh lạnh. Tiếng í ới gọi nhau lạc đường của người nhà các thầy khóa, của tiểu đồng, lão bộc, quần gia nhỏ lều đội chõng ra về trong đêm tối lập lòe ánh đuốc. Đám đông lên tới 25000 người. Lễ xướng danh từ rất sớm cho đến chiều. Ghế bành của các quan chấm thi và dự lễ kê cao tới 4 mét.

Quan Toàn quyền bận không đến, có quan cai trị Moren thay mặt dự lễ. Cử xong mỗi tên ông tân khoa xướng lên mất 5 phút - lính từ lúc cất tiếng loa gọi tên, xoáy sang phía trái, xoáy sang phía phải, cho tới khi người trúng thi thích cánh lách được lên chỗ để trình căn cước. Khoa thi năm 1894, lấy 60 cử nhân và 200 tú tài (lệ triều đình đặt ra thường lấy theo tỉ lệ nhất cử tam tú, cứ chấm được một cử nhân thì lấy được ba tú tài).

Xướng xong tên được 60 ông cử nhân tân khoa mất 3 tiếng đồng hồ thì quan sứ Moren về. Các ông tân khoa phục xuống lạy. ở tỉnh đường quan Tổng đốc quan Kinh lược Bắc Kỳ ban mũ, ban áo tấc xanh, ban ô, ban tráp sơn - nó là những huân hiệu cụ thể của người men chân lên cái thang công danh hoạn lộ. (Bắc Kỳ cổ sự).

Tú Xương than sự thi, coi đây là nghiệp chường:

Bụng buồn còn muốn nói nang chi  
Đệ nhất buồn là cái hỏng thi  
Một việc văn chương thôi cũng nhằm  
Trăm năm thân thể có ra gì!

Về nghề nghiệp, Tú Xương không có nghề nghiệp gì.

Tú Xương kể lại: „Tôi vốn đi tiêu dao suốt năm, không để ý gì đến cửa nhà, đến nỗi vợ phải đón về dạy con, cung phụng như ông đồ người ngoài, không dám xưng hô theo lễ vợ chồng:

Thầy đồ, thầy đạ  
Dạy học, dạy hành  
Vài quyển sách nát  
Dăm thàng trẻ ranh.  
Văn có hay đã đỗ làm quan, võng điều võng tía  
Võ có giỏi đã ra giúp nước, khổ đỏ, khổ xanh.  
ý hấn thầy văn đốt võ dất  
Cho nên thầy luẩn quẩn loanh quanh.

Trông thầy:

Con người phong nhã  
ở chốn thị thành  
Râu rậm như chổi  
Đầu to tày giảnh

Cũng lắm phen đi đó đi đây, thất điên bát đảo  
Cũng nhiều lúc chơi liều chơi lĩnh tử đốm tam khoanh.  
Nhà lính, tính quan: ăn rặt những thịt quay,  
lạp xường, mặc rặt những quần vân, áo xuyên;  
Đất lè què thói: chỗ ngồi cũng án thư, bàn  
độc, ngoài hiên cũng cánh xếp, mảnh mảnh.  
Gần có một mục, sinh được bốn anh: tên Ưông, tên Bái,  
tên Bột, tên Bành;  
Mẹ muốn con hay, rắp một nổi biển, cờ, mũ áo;  
Chu rước thầy học, lính đủ tiền chè, rượu, cơm canh.  
Chọn ngày lễ bái  
Mở cửa tập tành  
Thầy ngồi chễm chệ  
Trò đứng xung quanh  
Dạy câu Kiều lấy  
Dạy khúc lý Kinh  
Dạy những khi xuống ngựa lên xe, đứng ngồi phải phép  
Dạy những lúc cao lâu, chiếu hát, ăn nói cho sành!

Tú Xương có tài xuất khẩu thành chương, hay làm thơ bốn cột người đời, thói đời.

Thí dụ bốn ông ảm Điềm:

Ghi chú của Tú Xương: „Ông ảm Điềm đang ngồi chơi với ta, một chốc bỗng thấy con bé là người nhà bà Hai Đích tới gọi: „Ông ảm ơi! Ông về gói hộ bà tôi vài cái giò!“ Ông ảm lấy làm buồn cười. Hỏi mãi thì hóa ra chủ nhà sai nó đi gọi thằng ảm, nó nghe nhầm ra ông ảm Điềm.

Buồn cười quá ta mới bốn ông ảm rằng:

ảm không ra ảm, ảm ra nổi  
ảm chạy lảng quăng, ảm chẳng ngồi  
Chán cả đồ chuyên cùng chén mẫu  
Luộc gà, nấu thịt, lại đồ xôi“.

Thí dụ bốn ông Thành Pháo (mượn chuyện chơi tam cúc để réo tên ông Pháo là người may được cử giữ chức phòng thành):

Tượng tượng, xe xe, xé lẻ rồi  
Sĩ đen, sĩ đỏ chảng vào đôi  
Đố ai biết được quân nào kết  
Mã cũng chui mà tốt cũng chui!

Thí dụ bốn ông ảm Kỷ là con trai cụ tuần Quang. Mẹ ảm Kỷ dan díu với sự Doãn, tu ở chùa Phù Long (Nam Định):

ảm Kỷ kia ơi tớ bảo này  
Cha con mày phải cái này cay  
Thôi đừng vớng giá nghênh ngang nữa  
Thằng hều Phù Long bá ngọc mày!

Thí dụ bốn bản thân mình:

Một trà, một rượu, một đàn bà  
Ba cái lảng nhãng nó hại ta,  
Chừa được cái gì hay cái nấy  
Có chẳng chừa rượu với chừa trà.

Tú Xương được người đời gọi là „thần thơ thánh chữ“. Có người nói đặc sản Nam Định là chuối ngự và thơ Tú Xương. Cả một thời đại văn chương nhưng Tú Xương được yêu mến nhất:

Ông nghe, ông thám vô mây khói  
Đứng lại văn chương một tú tài!

Tú Xương để lại khoảng 150 bài thơ phú và câu đối, phần lớn truyền miệng, bài nào cũng buồn cười, chơi chữ thần tình. Thí dụ nói về người chỉ giỏi cơm rượu mà kém văn chương:

Văn chương chẳng thấy kêu rằng tốt  
Chỉ tốt hai hàng lúa mạ thôi!

Hay:

ý hấn thịt xôi lèn chặt dạ  
Cho nên con tỵ mới tòi ra!  
Thí dụ trên vợ chồng mới cưới:  
Con bé nhà kia nó lấy ai?  
Thưa ông nó lấy chú Hai Mai  
Đuôi gà cô ả coi xinh gái  
Trứng cá anh chàng cũng đẹp giai!

Có người viết về Tú Xương: „Ông sinh không ai biết, ông chết không ai hay“.

Vậy là cụ Đồng Thịnh bảo:

- Nhất Tú Xương.

Đặng Tử Mẫn cùng bảo:

- Nhất Tú Xương thật.

Cụ Khổng đối biện bảo: iêm

Tú Xương chỉ du hí văn chương.

Khi ba người đang đứng nói chuyện với nhau thì có một người ăn mày đi đến ngửa tay xin tiền ở quầy bán thuốc bắc hiệu ông lang Xán. ông lang Xán xua tay:

Người đói thì ta cũng chẳng no

Cha thằng nào có tiếc không cho!

Xung quanh cười ầm lên.

Cụ Đồng Thịnh cười:

- Lại Tú Xương!

Nói rồi móc túi cho người ăn mày một hào.

Cụ Khổng đốc biện hỏi:

- ông Đặng khi nào ông đi Nhật Bản?

Đặng Tử Mẫn bảo:

- Sang năm mới.

Cụ Đồng Thịnh vào sạp vải lấy ra một gói lụa đỏ:

Ông Đặng, đây là tiền đóng góp của người việt Nam cho nước Việt Nam.

Đặng nói:

- Đa tạ cụ, của ít lòng nhiều.

Lúc ấy bỗng nhiên có tiếng đàn, tiếng nhị réo rắt cất lên. Đám người đứng xúm đông xúm đỏ quanh ông già hát sẩm với cô cháu gái chừng mười lăm tuổi:

Hát rằng:

Chị hỡi chị, năm nay túng lắm

Biết làm sao, Tết đến nơi rồi

Mới ngày nào, chị mua muối cùng tôi

Ngoảnh mặt lại, hàng vôi nay đã bán

Này nụ, này hoa, này hài, này hán  
Pháo, tranh Tàu, Hương Cảng mới  
đưa sang  
Chị cùng em sắm sửa lo toan  
Muốn mua chịu, sợ nhà hàng lại lạ  
Chị em ta cùng nhau giữ giá  
Đến bây giờ ngã cả chẳng ai nâng  
Cũng liều bán váy chơi xuân...

Cụ Đồng Thịnh bảo:

- Lại Tú Xương!

Ông già hát sấm lại hát:

Hát rằng:

- Người tai mắt ai không thích thú  
Lúc về già lụ khụ mới chơi xuân  
Suối quanh năm nào mất cái lông chân  
Nhà chứa bản để dành phân bón lúa  
Ba câu chuyện khoe mình lấm của  
Chốn nhà lan sặc sụa những hơi đồng  
Theo anh em đến chỗ lâu hồng  
Hỏi cô ấy có chồng chẳng nhỉ?  
Anh đây thật là người chí khí  
Tiền cưới cheo chi phí một vài hào  
Khoe mình chơi nhất Hàng Thao!

Cụ Đồng Thịnh cười:

- Lại Tú Xương!

Đặng Tử Mẫn và cụ Khổng đốc biện chào cụ Đồng Thịnh để về.

Cụ Đồng Thịnh bảo:

- Ông Đặng! Sự nghiệp Đông du lớn lắm!

Đặng gật đầu:

- Đa tạ cụ!

Cụ Đồng Thịnh tiễn cụ Khổng đốc biện và Đặng Tử Mẫn tới ngoài cổng chợ.

Cụ Khổng hỏi Đặng:

- ông Đặng về nhà tôi bây giờ để gặp cụ Phan hay chờ đến tối?

Đặng Tử Mẫn bảo:

- Tôi muốn ghé thăm Tú Xương.

Cụ Đồng Thịnh bảo:

- Muốn tìm Tú Xương phải nhờ chú Mán.

Đặng Tử Mẫn ngồi lên xe chú Mán. Cụ Khổng đốc biện và cụ Đồng Thịnh lại quay vào chợ.

Đặng Tử Mẫn ngồi lên xe. ông cất bọc tiền cụ Đồng Thịnh vừa trao vào trong tay nải. Thành Nam Định đang vào Tết: người xe nhộn nhịp, thấp thoáng bóng những cảnh đào ở nhiều cửa hiệu buôn. Khuôn mặt bạ n bè thân quen hiện ra trong tâm trí Đặng: nào Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Trần Cao Vân, Trần Quý Cáp, Tăng Bạt Hổ, Hoàng Hoa Thám, Kỳ Đồng, Nguyễn Văn Cẩm và nhiều người nữa.

- Tất cả lui vào thiên cổ...

Đặng nghĩ thế. ông lắng nghe tiếng pháo tếp nổ ran cuối phố mà rùng mình. Trời lạnh. ở Nhật Bản trời lạnh hơn nhiều.

Chiếc xe tay đi lòng vòng một lúc lâu rồi đỗ trước một hiệu cao lâu. Hiệu cao lâu này đến nay không còn nữa. Vị trí của nó đại để ở giữa quán karaoke của cô Dung béo và Công ty Sách - Thiết bị trường học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo ở phố Hàng Thao bây giờ. Đặng Tử Mẫn trả tiền xe cho chú Mán rồi gõ cửa hiệu. Chủ hiệu cao lâu là cô Ba Tuyết chạy ra đón Đặng.

Đặng hỏi:

- Ông Tú có ở đây không?

Cô Ba Tuyết cười:

- Gớm! Thì bác cứ vào đây cái đã nào!

## Hai

Tú Xương nằm trên chiếu, đầu gác lên đùi cô đào Thu.

Tú Xương đọc:

Người bảo ông điên, ông chẳng điên

Ông thương, ông tiếc, hóa ông phiền!

Tú Xương suy nghĩ.

Ông nghĩ:

Từ lâu lắm, ở xa lắm, người ta dần dần

Những nhảm lẫn củ chông chéo lên nhau

Sống trong những nhảm lẫn thật tai hại

Nhưng tỉnh ra còn tai hại hơn!

„Thiên hạ dễ thường đang ngủ cả

Tội gì mà thức một mình ta“.

Thôi thôi kệ!

Ai nhảm cứ nhảm

Ta chỉ thấy buồn cười mà thôi

Những là thương cả cho đời bạc

Nào có căm đau đến kẻ thù“...

Tú Xương nhắm mắt lại. Ông cảm thấy dễ chịu quá chừng. Cô đào Thu mới hai mươi mốt tuổi.

- Ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?

Tú Xương ậm ừ. Ông đã chót hứa với cô đào Thu sẽ giúp cho cô một món lưng vốn. Em chỉ muốn về quê đi chợ. Làm công việc này nhọc lắm.

„Chơi thì nhọc. Làm thì không nhọc. Tại sao lại thế? Lại nhảm lẫn rồi!“ Tú Xương nghĩ.

- Ông Tú ạ! Em chẳng thấy ai như ông cả.

„Lại nhảm lẫn rồi! Đàn ông thì ai cũng như nhau hết“- Tú Xương lại nghĩ.

- Hôm nọ, cái ô mang ra ngoài hiệu cầm đồ chỉ bán được có ba hào.

Tú Xương cười, cô đào Thu cũng cười ngặt nghẽo.

Giai thoại đi hát mất ô:

Có ông đi hát, bị cô đầu nắn mắt cái ô lục soạn, ông này tiếc của, kể chuyện cho mọi người nghe. Tú Xương làm bài thơ sa u:

Đêm qua anh đến chơi đây

Giày giôn anh dận, ô tây anh cầm

Rạng ngày sang trống canh năm

Anh dậy em hãy còn năm trợ trợ

Hỏi ô, ô mất bao giờ

Hỏi em, em cứ ỡm ờ không thưa

Chỉ e rày gió mai mưa

lấy gì đi sớm về trưa với tình...

Bài thơ này lưu truyền, nhà hàng sợ mất tiếng xin Tú Xương nghĩ cách chữa cho đỡ ngượng.

Tú Xương bèn làm bài thơ trả lời:

Chẳng qua muôn sự tại trời  
Thôi thôi xin chớ dài lời làm chi  
Nắng thì nắng cũng có khi  
Mưa thì mưa cũng có kỳ mà thôi  
Thật lòng anh có thương tôi  
Thì anh cử việc đội giờ mà lên  
Nhược bằng anh cố bắt đền  
Thì xin đền cái đất tiền bằng ba!

Cô đào Thu lại hỏi:

Ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?

Tú Xương bảo:

- Rồi đâu có đó.

Cô đào Thu thở dài.

Tú Xương nghĩ:

Làm người thật khó

Chỉ sống thôi sao mà khó thế

Chẳng lẽ chỉ như thế thôi

Cái cái, đực đực

Những con thú mạnh biểu hiện

Những con thú yếu kêu gọi...

Đực đực, cái cái

Cái cái, đực đực.

Cô đào Thu hỏi:

- Sáng nay ông ăn quà gì? Sáng nay em ăn miến lươn.

Tú Xương đọc:

- Quần áo rách rưới.

ăn uống xô bồ

Cơm hai bữa: cá kho, rau m uống

Quà một chiều: khoai lang, lúa ngô...

Cô đào Thu lại hỏi:

- ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?

Tú Xương bảo:

- Được!

Cô đào Thu thở dài:

- ông Tú ông sống cũng thanh đạm nhỉ?

Tú Xương đọc:

„Cực nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tình hoài;

Tối thế thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt“.

(Cái phẩm giá tốt cùng ở trong thiên hạ là tình đối với trăng gió.

Cái phong lưu bậc nhất ở trên đời là tính khí giang hồ).

Cô đào Thu hỏi:

- ông Tú! Trên đời ông quý nhất loại người nào?

Tú Xương bảo:

- Loại anh hùng hào kiệt và loại rong chơi giang hồ.

Cô đào Thu cười ngặt nghẽo:

- Loại anh hùng hào kiệt ông nào cũng toàn râu là râu!

Tú Xương cười.

- ừ, trên sân khấu vị anh hùng hào kiệt nào cũng toàn râu là râu thật.

Tú Xương nghĩ:

Anh hùng chí lớn

Ông râu hùm hàm én

Ông mặt đỏ râu dài

Phong ba cát bụi

Danh tiếng nước trần ai!

Cô đào Thu lại hỏi:

- Ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?

Tú Xương bảo:

- Tết!

Cô đào Thu bảo:

- ừ ừ! Tết đến nơi rồi!

Vừa lúc ấy thì Đặng Tử Mã bước vào.

### Ba

Chắc chắn cô nói chuyện gì ừa Đặng Tử Mã và Tú Xương vô cùng cao nhã vì Tú Xương đã ngồi thẳng dậy, nét mặt nghiêm trang.

Cô đào Thu hỏi:

- Em có phải đi ra ngoài hay không?

Tú Xương bảo:

- Không! Cô phải ở đây hầu rượu.

Đặng Tử Mã và Tú Xương nói về thời thế. Xã hội Việt Nam ở đầu thế kỷ XX có tâm trạng chung lo âu, ngơ ngác. Những mong muốn khai sáng xuất hiện trong giới văn thân. Tấm gương cải cách Minh Trị Nhật Bản khơi dậy khát vọng biến đổi.

Đặng nói:

- Cụ Phan đã có ý định Đông du.

Tú Xương buột miệng:

- Đa tạ cụ.

Cô đào Thu bật cười: mỗi khi Tú Xương đa tạ ai nghĩa là Tú Xương đã nhận ra một điều gì đó buồn cười.

Tú Xương đưa mắt, cô đào Thu biết ý lặng im.

Đặng Tử Mã nói:

- Số người ghi tên Đông du nay đã hơn 60 người. Trong miền Nam có Phan Chu Trinh rất có chí. Hiem Phan Chu Trinh chủ trương „Pháp-Việt đề huề“. Cụ Phan Bội Châu thì khác, chủ trương bạo động. Đặng Tử Mã nói:

- ở Bắc Giang, cụ Hoàng Hoa Thám rất mạnh. Cụ Phan Bội Châu cũng định lên gặp cụ Hoàng.

Cô đào Thu nín thở.

Đặng Tử Mã hỏi:

- ông Tú! Ông nghĩ gì khi cụ Phan cho rằng „Lập thân tối hạ thị văn chương“?

Tú Xương lại buột miệng:

- Đa tạ cụ.

Cô đào Thu lại xuất bật cười. Tú Xương đưa mắt nhìn. Cô đào Thu vợ tình chạm tay vào cái tay nải của Đặng Tử Mã.

Đặng hỏi:

- ông Tú, tình cảnh ông hiện giờ thế nào?



Tú Xương bảo..  
-Thê tróc, tử phọc“

Giai thoại vợ bắt, con trói:

Có người mang tặng Tú Xương một cái lồng chim. Thấy con chim bị nhốt, Tú Xương thương tình thả cho nó bay. ông bảo: Ngã phóng, nhĩ phi, dực mao tác vũ „ (Ta thả cho mày bay đi, lông cánh mặc sức bay nhảy). Không dè bà vợ Tú Xương và mấy đứa con tưởng chim xô lồng nên chạy lại, chộp được, lại nhốt vào lồng như cũ. Tú Xương cảm cảnh, bật cười bảo: „Thê tróc, tử phọc, âu lộ hoàn lung“ (Vợ bắt, con trói thế là con chim tự do lại quay vào lồng).

Cô đào Thu bảo:

- ông Tú. Em xuống nhà lấy đàn, lấy trống được không?

Tú Xương bảo:

- Được! Thế đã xong chưa?

Cô đào Thu cười bảo:

- Xong rồi.

-

Đêm hôm đó, trong men rượu, giữa không khí lạnh của ngày giáp Tết, Đặng Tử Mẫn ngồi nghe Tú Xương gõ trống và cô đào Thu ngâm thơ. Thơ rằng:

Sực tình trông ra ngõ sáng lò

Đêm sao đêm mãi thế ru mà.

Lạnh lòng bồn bể ba phân tuyết

Xao xác năm canh một tiếng gà.

Chim chóc hầy còn vương cửa tổ

Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa.

Nào ai là kẻ tìm ta đó

Đốt đuốc mà soi kéo lẫn nhà!

### **Đoạn kết**

Chợ Rồng chiều 30 Tết chật ních người. Ngoài cổng chợ bày la liệt những hàng rau, hàng thịt. Trong nhà là các dãy hàng khô, hàng vải, hàng tạp hóa. Chỗ nào cũng thấy có những câu đối viết trên giấy điều. Mùi gạo thơm quện lẫn với đủ thứ mùi hàng hóa khác. Tất cả đều có hương vị thân quen nông nản.

Cô đào Thu đi sắm tết. Cô chuẩn bị về quê. Đến quầy bán mứt kẹo, anh chàng bán hàng chọc ghẹo gì cô đào Thu. Cô đào Thu cười ngặt nghèo, đấm thùm thụp vào lưng anh chàng bán hàng. Cô bảo:

Chỉ trách người sao chẳng trách mình

Mình trung đầu đấy, trách người trinh.

Xung quanh cười rộ lên. Có ai nói:

- Lại Tú Xương!

### **Bốn**

Giai thoại cô đào Thu:

Tú Xương quen cô đào Thu hay xin tiền. Tú Xương hứa giúp một chút vốn nhỏ nhưng chưa có dịp. May có một lần Tú Xương gặp Đặng Tử Mẫn, Đặng có tiền bèn trích một khoản nhỏ giúp cho cô đào Thu. Cũng có người nói rằng cô đào Thu trộm tiền của Đặng Tử Mẫn, Tú Xương biết nhưng lờ đi cho.

Nhân việc này Tú Xương có bài thơ:

Rước phải cô đào mới tẻo teo

Rác tai đà làm sự ỳ ề

Cầm, kỳ, thi, tửu, vui ra phá

Điền sản, tư cơ mấy cũng nghèo

Bạn ác không vay mà thúc lãi  
Thói thành dầu lịch cũng thành keo  
Thôi thôi xin kiếu cô từ đấy  
Chiều đãi thì tôi cũng vào đèo.

Cô đào Thu đi sắm Tết. Cô không biết rằng ở một góc chợ Tú Xương đang lặng lẽ ngắm nhìn cô. Tú Xương đi lẫn ở trong đám người đi chợ. Mọi người không ai biết ông... Một nhà sư khát thực chạm phải Tú Xương. Nhà sư lùi lại nói:

- A di đà Phật!

Tú Xương giật mình nhưng ông thấy buồn cười nên tự dưng buột miệng

- Ca ki cà kật!

Không biết mọi người xung quanh có nghe Tú Xương nói gì không nhưng tiếng cười cứ thế ran lên không ngớt.

Tú Xương đi. Kia Tú Xương đang đi... Ông thông tay vào chợ

## Tú Xương với tài dịch thơ chữ Hán Phạm Trọng Thành

Xưa nay, trên văn đàn, sự trọng thị, liên tài là cách ứng xử của những người có nhân cách lớn, có biệt nhỡn và cả tài năng trác việt. Tú Xương “trong con mắt xanh thời gian”, việc nhìn nhận đánh giá những cống hiến của ông cho Văn học Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX còn cộng hưởng thêm từ các tuyển tập, các công trình nghiên cứu của các soạn giả trong Nam, ngoài Bắc nhiều thập kỷ qua.

Đặc biệt, lời biểu dương Tú Xương của nhà văn Nguyễn Tuân trong bài “Thời và thơ Tú Xương” ngay từ những năm sáu mươi thế kỷ trước đã được nhiều người tán thưởng: “Tú Xương, một người thơ, một nhà thơ vốn có nhiều công đức trong trường kỳ xây dựng lâu đài ngôn ngữ Việt Nam” (Tạp chí Văn nghệ, tháng 5/1961).

Còn Giáo sư người Anh Albert Smith đã đánh giá: “Tú Xương xứng đáng đứng vào hàng những nhà thơ trào phúng lớn của thế giới”. (1)

Sinh thời, ông Tú Vị Xuyên trong việc “tự phê bình” chuyện học hành thi cử đã viết rằng mình “Rõ thực Nôm hay mà chữ dốt”, “Tám khoa chưa khỏi phạm trường quy”...

Điều gì đã khiến Tú Xương, một người thông minh, mẫn tiệp thành người “lạc đê” trong buổi Nho học suy tàn, “nhà nước bảo hộ” bắt đầu áp đặt cách thức “tuyển trạch nhân tài” phục vụ cho bộ máy thống trị hà khắc kiểu “thực dân - nửa phong kiến” trên toàn cõi Việt Nam kể từ sau Hiệp ước Patenôtre 1884, ký với triều Nguyễn?

Giáo sư Nguyễn Đình Chú trong tiểu luận “Tú Xương, nhà thơ lớn của dân tộc” cho rằng: “Tú Xương hỏng thi... chính là do sự vênh nhau giữa con người nghệ sĩ phóng khoáng, hồn nhiên với cái chế độ thi cử vốn có phép, có tắc của nó, dĩ nhiên là thứ phép tắc gò bó, thủ tiêu cá tính tài năng con người trong xã hội cũ.

Việc hỏng thi đã thành vấn đề đối với cuộc đời Tú Xương”. (Tú Xương - tác phẩm Giai thoại, Hội VHNT Hà Nam Ninh, 1986).

*“Một việc văn chương thôi cũng nhằm  
Trăm năm thân thể có ra gì...”*

(Buồn hỏng thi - Tú Xương)

Có người lại cho rằng việc “hông thi” của ông Tú lại là cái “được” của văn học. Mất một “ông Cử” đội mũ cánh chuồn cung phụng Nam triều nhưng được một nhà thơ lớn:

*“Ông Nghè, ông Thám vô mây khói  
Đứng lại văn chương một Tú tài”.*

(Độc thơ Tú Xương –Xuân Diệu)

“Độc thơ Xương, ăn chuối Ngự”, ai cũng biết câu phương ngôn của người Nam Định yêu quý những đặc sản vật chất, tinh thần vùng đất đã sinh ra cùng với giai thoại từ thuở cậu bé Trần Duy Uyên ngồi trước thềm hoa năm sắc “Đình tiền ngũ sắc hoa” nhập tâm chữ nghĩa thánh hiền...

Năm 1962, tại phòng đọc Thư viện Nam Định, tôi đã chép bản dịch thơ Đỗ Phủ của nhà thơ Trần Tế Xương trong cuốn “Tú Xương, con người và nhà thơ” (NXB Văn hóa, 1961) của Trần Thanh Mại, Trần Tuấn Lộ. Sách không in bản phiên âm nguyên tác chữ Hán “Xuân dạ hỉ vũ” của Đỗ Phủ. Chỉ có bản dịch của Tú Xương:

### **Mừng mưa đêm xuân**

Khen thay con tạo khéo chia mùa  
Hoa sớm mưa xuân những hẹn hò  
Đưa nhẹ một cơn bưng giắc thấm  
Rơi ra từng sợi thấm cành khô  
Đồng không lối tắt mây nghi ngút  
Sông vắng thuyền ai lửa thập thò  
Phơi phới thành xuân ban sáng tạo  
Chồi sương nặng trĩu mặt hoa đưa.

Thử hình dung ông Tú trong màn mưa bụi Thành Nam đêm xuân, quay về phía dãy hàng hiên có bóng đèn lồng và đôi câu đối đỏ:

*“Môn ngoại vắng lai xa mã khách  
Đình tiền xuất nhập quế khô nhi” (2)*

Ngôi nhà mái ngói số 247 Hàng Nâu, khu Định Hữu, Vị Xuyên hãy còn hé cửa. Bên tràng kỷ, trên án thư người nhà đã bày sẵn nghiên sứ, thỏi mực đen ánh và cây bút Tảo Thiên Quân cùng “ánh đèn xanh” với “những quyển vàng”.

Ông dịch thơ Đỗ Phủ, thần hứng lâng lâng, tấm áo bông treo mắc áo hãy còn dính những hạt mưa xuân bé tí lấp lánh. Một đêm xuân bao nhiêu tình tứ:

*“Ai ơi còn nhớ ai không  
Trời mưa một mảnh áo bông che đầu  
Nào ai có tiếc ai đâu  
Áo bông ai ướt khăn đầu ai khô  
Người đi Tam Đảo, Ngũ Hồ  
Kể về khóc trúc Thương Ngô một mình”...*  
(Áo bông che đầu – Tú Xương)

Bài thơ “Xuân dạ hỉ vũ” của thi hào Đỗ Phủ tả một đêm mưa xuân có thể là ở đất Kinh Triệu, gần Kinh đô Tràng An nhà Đường, nơi ông được làm một chức quan nhỏ coi kho vũ khí trước ngày xảy ra loạn An Lộc Sơn.

Đỗ Phủ (712-770) sao có thể biết sau hơn một nghìn năm ở phương Nam xa xôi này có một nhà thơ trẻ yêu quý ông, có thể gọi dậy sức sống tinh khôi ở một bài thơ cổ.

Ở đây, đồng đất ngoại thành Nam Định cũng vừa bừng thức sau làn mưa xuân dịu dịu mùi hương cỏ nồn. Sông Vị Hoàng êm lắng, đầu mom cối bãi lơ mơ sương khói, thuyền ai thấp lên ánh lửa sáng vào trang thơ:

*Đồng không lối tắt mây nghi ngút  
Sông vắng thuyền ai lửa thập thò...*

Không biết đây là thành xuân phương Bắc xa lắc xa lơ hay là Thành Nam với những xóm Phù Hoa, Vị Khê... lối cửa Đông, cửa Nam sớm mai như vẽ:

*Phơi phới thành xuân ban sáng dạo  
Chòi sương nặng trĩu mặt hoa đưa...*

Đưa bản dịch “Xuân dạ hỉ vũ” của Tú Xương vào tiểu luận “Đọc thơ Tú Xương” trong “Các nhà thơ cổ điển Việt Nam” tập II (NXB Văn học 1987, trang 184), nhà thơ Xuân Diệu viết: “Trước hết là khâm phục Đỗ Phủ, tiếp liền sau là khen Tú Xương, ngôn từ nhanh nhẹn, lời văn rất mới; mới đây không phải ngông nghênh, tân thời “mô đéc” thì gọi là mới; mới đây nghĩa là trẻ, trẻ thì nhất định luôn luôn mới, trẻ là tồn tại muôn đời, mở ra lúc nào mới lúc ấy!

Chao ôi, không biết khen ai, khen cả hai tác giả! Mưa xuân ban đêm hẹn với nhau nảy sớm mùa; cái mưa xuân ấy đưa nhẹ một cơn, thì hoa bừng giấc thắm, tỉnh dậy và nở thắm; cái mưa xuân ấy rơi ra từng sợi thắm cành khô, cha chả là hay! Hai câu đối nhau, đọc liền một lúc mới thấy lộ hết cái hay”.

Tú Xương còn bao nhiêu bài dịch nữa? Khó có thể liệt kê đầy đủ bởi vì ngay những sáng tác của ông lúc sinh thời còn được bạn đọc hôm nay tìm đến chủ yếu do những người quý trọng tài năng thi ca xuất chúng nơi ông mà nhập tâm, ghi chép lại. Thơ ông ở trong trí nhớ, trong tâm thức người Nam Định, trong các bản chép tay từ sách của các gia đình.

Nhà thơ Trần Lê Văn trong “Tú Xương, khi cười, khi khóc, khi than thở” (NXB Lao động, 2002, tr84) cho biết “Năm 1930, Trần Duy Lăng, một trong những người con của ông Tú, bị Tây bắt vì bị tình nghi hoạt động cách mạng, gia đình sợ đem đốt hết cả tập thơ. Đốt tại số nhà 280 phố Hàng Nâu, Nam Định”.

Giáo sư Nguyễn Lộc trong “Lịch sử văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XX” (NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1987, trang 323) cho biết: “Ở Thư viện Khoa học Xã hội (Hà Nội) có một cuốn sách ký hiệu AB 194 ghi là của Trần Tế Xương, nội dung có phần Nam giao cổ kim lý hạng cao dao chú giải chép ca dao nước ta có chú thích bằng chữ Hán, ngoài ra có phụ một số câu đối. Cũng trong cuốn sách này có một phần tên là Đường thi ngũ ngôn giải âm dịch 83 bài thơ trong bộ Đường thi hợp tuyển cũng ghi là của Trần Tế Xương”.

Mặc dù không khẳng định tư liệu thành văn này của Tú Xương, Giáo sư Nguyễn Lộc vẫn quả quyết: “Nhưng một điều dứt khoát có thể khẳng định được là Tú Xương rất am hiểu ca dao” (Sđd). Chúng tôi chưa được tiếp cận tư liệu quý giá này. Nếu quả thật đây đúng là di cảo của nhà thơ Tú Xương thì “thật là hay”! Chúng ta đều biết, Tú Xương là nhà thơ sử dụng ca dao, tục ngữ, thành ngữ... vào các sáng tác văn học đến mức thần tình.

Ông xứng là bậc thầy trong lao động sáng tạo ngôn ngữ thi ca tiếng Việt, một “bút lực đại gia” trong việc sử dụng và biên dịch tác phẩm chữ Hán qua các văn bản hiện hữu.

Trong “Thơ Đường tập 1” (NXB Văn học 1987, tr.137) có in bài thơ “Thập thất dạ đối nguyệt” của Đỗ Phủ, bản dịch thơ của Tú Xương.

Nguyên tác của Đỗ Phủ:

**THẬP THẤT ĐẠ ĐỐI NGUYỆT**

*Thu nguyệt nhưng viên dạ  
Giang thôn độc lão thân  
Quyển liêm hoàn chiếu khách  
Ý trượng cách tùy nhân  
Quang xạ tiềm cầu động  
Mình phiến túc điều tần  
Mao trai y quất dữu  
Thanh thiết lộ hoa tân*

Dịch nghĩa:

### **NGẮM TRĂNG ĐÊM MƯỜI BẢY**

*Trăng thu đêm nay vẫn tròn  
Thân già cô quạnh ở xóm bên sông  
Cuốn rèm, trăng còn ngó khách  
Chống gậy, trăng vẫn theo mình  
Ánh rọi xuống, làm con cầu long đã lặn phải cựa quậy  
Bóng sáng soi vào, khiến con chim ngủ xoay mình luôn  
Lều tranh dựa bên cây quýt, cây bưởi  
Đêm lạnh hạt móc mới đọng như hoa*

Dịch thơ:

### **NGẮM TRĂNG ĐÊM MƯỜI BẢY**

*Vành vạnh trăng thu chút chửa sai  
Xóm sông lỵ khụ một mình ai  
Cuốn rèm trông thấy như chào lão  
Chống gậy ra chơi lại đón người  
Soi suốt rờng nằm dòng nước chảy  
Sáng choang chim ngủ bóng cánh phơi  
Nhà tranh ngói tựa bên chồi quýt  
Móc trắng lòng ta cũng trắng ngời.*

Bài thơ thể ngũ ngôn được “dịch” sang thể thơ thất ngôn thêm “đắt dụng võ” cho dịch giả. Đỗ Phủ “Ngắm trăng đêm mười bảy” một mình từ túp lều tranh quạnh quẽ bên dòng sông trăng thu đầy ắp. Hình như Đỗ Phủ khi ấy đang ở rất gần con sông thơ “Khúc Giang” nổi tiếng “Triều hời nhật nhật điểm xuân y” (Khởi bệ vua ra cố áo hoai – Tản Đà dịch), trong cảnh ngộ “thân già cô quạnh ở xóm bên sông” xa lánh hẳn cái thuở làm chức gián quan tháp tùng vua Đường chạy loạn An Lộc Sơn. Những năm cuối đời, nhà thơ lâm vào cảnh khốn khó, gia đình ly tán. Đỗ Phủ phải vất vả mưu sinh, ném đủ cơ cực, thiếu đói, bệnh tật hành hạ, nhưng phẩm cách của bậc “Thi Thánh”, tư tưởng nhân văn lại càng tỏa sáng. Thơ ông vươn tới đỉnh cao của nghệ thuật thơ Đường.

Tú Xương dịch bài thơ “Thập thất dạ đối nguyệt” của Đỗ Phủ có thể cũng vào một đêm thật trăng sau những đêm “Nhật nheo quang cảnh ánh trăng sông”. “Trời không chớp bể với mưa nguồn”... là cái đêm bình yên trở lại sau “Đêm rằm tháng tám chúng vây ai?” rậm rịch bước chân đám lính “khố đỏ, khố xanh” lừng sục các phố xá Thành Nam, vây ráp như “Đền kéo quân” tìm bắt cả những người bị tình nghi có hành vi chống đối Nhà nước bảo hộ.

Cái đêm chùng như vàng trắng trong thơ Đường về tròn gương bên bến nước sau nhà, trăng dạt dào tiếng sóng vỗ mom sông. Bản dịch của Tú Xương sáng đẹp lạ thường trong lời thơ Việt có cả những làn sóng ánh sáng:

*Soi suốt rồng nằm dòng nước chảy  
Sáng choang chim ngủ bóng cành phơi*

Và ở câu kết “Đêm lạnh hạt móc mới đọng như hoa” Tú Xương dịch thành “Móc trắng lòng ta cũng trắng ngời” khiến cho sự sáng trong lòng ta ngời lên như những hạt ngọc! Tài năng xuất chúng của Trần Tế Xương không chỉ ở những thơ, phú, câu đối... mà còn ở những bài dịch thơ chữ Hán trác tuyệt của ông.

Chú giải:

(1) Dẫn theo Nguyễn Thị Hòa Bình (trong luận văn “Con đường từ Nguyễn Khuyến đến Trần Tế Xương của văn học trào phúng” - Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội 1999).

(2) Câu đối trong bức tranh “Đối Pháo” của họa sĩ Nguyệt Hồ (1905 - 1992).

*Thành phố Nam Định, tháng 10 năm 2007*

## Tú Xương Vương Trí Nhàn

Vài nét tiểu sử

Tú Xương tức Trần Tế Xương (1870-1907) nhà thơ lúc đầu sáng tác theo lối lưu truyền trong dân gian. Hàng chục năm sau khi qua đời, đến thời Đông Dương tạp chí, Hữu thanh, Nam Phong... một số bài thơ mới được sưu tầm và đặt tên để phổ biến trong các thế hệ sau.

"Thành thì đen kịt, đốc thì lang".....

Gương mặt những con người đương thời trong thơ Tú Xương

Là một ngòi bút trào phúng thực thụ và có bản lĩnh, Tú Xương thường không ngại mang chính mình ra mà chế giễu. Loạt thơ tự trào, cộng với những bài trữ tình thuần túy (loại như Sông kia rày đã nên đồng...) gộp cả lại làm nên một mảng thơ riêng, khá đặc sắc.

Có điều, dẫu sao, trong số hơn trăm bài thơ hiện đang lưu truyền và được xác định là của tác giả, các bài thơ "hướng nội" nói trên chỉ chiếm một phần nhỏ. Ngược lại, nói tới Tú Xương, nhiều khi người ta nhớ ngay tới loại thơ khắc họa chân dung những người đương thời. Những bài "hướng ngoại" này thường nói tới một đối tượng cụ thể: một ông phủ, ông đốc học nào đó trong vùng hoặc một người bạn nào đó của tác giả. Và chúng thường có nhan đề ngắn gọn (do người sau đặt): Mừng ông lang, Chế ông huyện, Đùa ông hàn, Bỡn ông Điềm v.v...

Một phòng triển lãm

Nhận xét thứ nhất nảy sinh khi người ta đọc loại thơ này: Tú Xương có một phạm vi quan sát khá rộng. Sống trong một đô thị nhỏ nơi thoát thai từ làng xóm, ông vẫn giữ được thói quen thường thấy trong sinh hoạt tinh thần nơi thôn xã là để mắt đến mọi việc xảy ra chung quanh, và sẵn sàng lên tiếng về những chuyện ấy. Lọt vào kính ngắm thường xuyên của ông là đủ loại nhân vật, từ quan chức đến sư sãi, từ ông tú ông cử, cho đến đám học trò đang mài dũa quần trong các lớp bình văn, rồi cô kỹ, me tây, rồi thầy thông, thầy phán... sơ sơ có thể ước tính tổng cộng số người được Tú Xương nhắc tới trong các bài thơ đã viết lên tới vài chục. Tất cả hiện ra như các hình nhân trong một chiếc đèn kéo quân khổng lồ mà tác giả đã kỳ công vẽ mặt tô mày để kiếm chút niềm vui giữa cuộc đời tẻ nhạt.

### Những nét kỳ dị

Theo sự ghi nhận của nhà văn Nguyễn Công Hoan - một người nổi tiếng có trí nhớ tốt và đã một thời gian dạy học ở Nam Định - thì hầu hết các nhân vật được nói tới trong thơ Tú Xương có địa chỉ thật ở ngoài đời. Các bài thơ đã hình thành như một cách để tác giả đánh dấu những gương mặt mà mình từng biết và phải chung sống.

Tuy nhiên, điều đó không làm hại đến ý nghĩa khái quát mà các chân dung có thể có.

Một nhận xét nữa nảy sinh khi đọc loại thơ nhân vật của Tú Xương: trước sau bút pháp của ông là khá nhất quán. Sự hài hước được nhà thơ sử dụng như một loại "chiếu yêu kính" tức một công cụ để nhận thức bản chất con người và sự việc. Vấn đề không phải chỉ ở chỗ tác giả thường xuyên miêu tả những thói xấu của các nhân vật, tức vạch ra sự không bình thường của nó về mặt xã hội (quan lại tham nhũng, đốc học rong chơi, cò bạc; sư ở tù; con cái khinh bỉ bố mẹ...) mà điều quan trọng hơn, là ông biết nhìn ra cả trong mặt mày hình dáng con người cũng có sự biến dạng. Nếu ông chỉ nói ở cái phố hàng Song Lắm quan kia, cô Bó "chồng chung vợ chạ", ông Hàn "đậu lạy quan xin", ta thấy đã tài, đã sắc sảo. Song con mắt thi sĩ nơi ông còn nhìn thấy cái nét đặc sắc mà cái nhìn xã hội học dễ bỏ qua: "Thành thì đen kịt, Đốc thì lang". Trong một dịp khác, ông tả người bán sắt "Mũi nó gồ gồ, trán nó giồ", cũng như ông không tha cả chính mình "Mắt thì lao láo, mặt thì xanh". Những câu thơ hơi khang khác này xui người ta nghĩ rằng hình như trong tiềm thức, tác giả bắt đầu cảm thấy rằng sự méo mó lệch lạc là nằm tận trong bản chất con người đương thời. Đây nữa, những câu thơ tả sự dở dang, bất cập, một thứ nửa dơi nửa chuột tiên thiên bất túc không sao sửa chữa nổi trong con người đương thời, đại loại:

- Hán tự không biết Hán
- Tây tự chẳng biết Tây
- Nghêu ngao câu hát nửa tàu nửa ta
- Chẳng phải quan mà chẳng phải dân
- Ấm không ra ấm, ấm ra nổi.

Như các nhà nghiên cứu nghệ thuật đã lưu ý, nét đặc biệt của nghệ thuật hiện đại (rõ nhất là trong hội họa) ấy là thiên về miêu tả con người với những nét kỳ dị, hình ảnh méo mó, không những không ăn khớp với những khuôn mẫu sẵn có, mà còn thường xuyên có hiện tượng phân thân, và không tạo ra một sự ổn định, không có những đường viền rõ rệt. Do những hạn chế của thời đại và của bản thân, đương nhiên Tú Xương chưa thể có được một tư duy nghệ thuật mới lạ như vậy. Có thể là những câu thơ trên chỉ được viết ra một cách tự phát. Dầu sao đọc Tú Xương, người ta vẫn không khỏi liên tưởng tới một quan niệm về con người mới mẻ, chưa thể có ở những thời của Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, tóm lại là những quan niệm về con người chỉ xã hội hiện đại mới có. (Đây chỉ nói về quan niệm; còn như mỗi tác giả đạt tới mức sâu sắc và độc đáo như thế nào trong quan niệm của mình, thì đấy lại là chuyện khác).

### Sự phá cách

Mặc dù chỉ sống được hơn 7 năm trong thế kỷ XX, song Tú Xương vẫn đáng được xem như một nhà thơ có cốt cách hiện đại. Cảm giác hiện đại chủ yếu hình thành qua ấn tượng về con người tác giả, một người làm thơ không phải để nói chí hoặc giáo hóa ai mà chỉ cốt phơi bày cho hết những bức xúc chộn rộn trong lòng mình; con người ấy gần như đánh mất sự quân bình vốn có, ngược lại lúc nào ông cũng sống trong trạng thái "ngồi không yên ổn đứng không vững vàng" luôn luôn bị ám ảnh bởi những ham hố trần tục.

Có điều "mình với ta tuy hai mà một" (thơ Tản Đà), con người tác giả trong thơ Tú Xương thế nào thì các nhân vật được ông phác họa cũng vậy. Xưa nay đã nhiều người tả cô đầu, song chỉ đến Tú Xương, loại người tưởng là dưới đáy xã hội này mới dám lớn tiếng tuyên bố "Cũng liều bán váy chơi xuân" nghe thật trâng tráo nhưng bên trong có gì đó chua chát, bi phẫn, nó là cái tâm trạng đến với người ta khi cuộc sống chung quanh đã trở nên bản thủ quá mà bản thân

không biết làm gì để thay đổi nó. Cái tâm thế của người cô đầu Tú Xương diễn tả ở đây sẽ là tâm thế mà càng về sau càng phổ biến, và con người thời sau, dù làm bất cứ việc gì, trước những bất lực phải chịu, cũng muốn văng ra những câu tương tự.

Chẳng những quyết liệt trong thái độ sống, Tú Xương còn quyết liệt trong các ứng xử nghệ thuật. Thời ông sống là thời trong văn chương Việt Nam còn đang ngự trị các quy phạm cổ điển. Thơ ca Việt Nam phải gần ba chục năm sau mới biết đến phong trào Thơ mới, nên gì thì gì, Tú Xương cũng chỉ có cách trở tài qua thơ Đường luật. Song bản lĩnh và ý chí tự do của nhà thơ non Côi sông Vị là ở chỗ, trong khi bị gò bó bởi thi luật cổ điển, Tú Xương vẫn tìm đủ cách để công phá nó. Một ví dụ: bài thơ mang tên Bờn ông Điem.

Tôi hỏi thăm ông đến tận nhà  
Trước nhà có miếu có cây đa  
Cửa hè sân ngõ chừng ba thước  
Nửa lá tre pheo đủ một tòa  
Mới sáu bạn sinh đà sáu cậu  
Trong hai dinh ở có hai bà  
Trông ông mốc thếch như trần gió  
Ông tốt duyên vì có nước da

Cũng giống như nhiều bài thất ngôn bát cú của Xuân Hương, bài thơ này, tuy bề ngoài vẫn giữ được sự đối xứng (câu ba đối câu bốn, câu năm đối câu sáu) song đó là một sự đối xứng trời cho, người ta cảm thấy tác giả không cần một chút cố gắng. Trong khi ấy mạch đi của cả bài thơ quá tự nhiên, hầu như gặp đâu nói đấy, những ràng buộc thừa-phá-đề-luận-kết... bị để sang một bên, hai câu cuối giống như một miếng bở nhỏ khá gây ấn tượng. Nhất là về mặt mỹ cảm thì sự phá cách càng rõ rệt, cái chi tiết mốc thếch như trần gió quá đậm chất văn xuôi, cũng như giọng thơ nửa thân tình nửa giễu cợt, tất cả làm cho sự vật con người mất hẳn cái vẻ cao thượng, thuần khiết, vốn được coi là nét tiêu biểu của thơ ca cổ điển.

Tú Xương nhà báo

Gia Định báo, tờ báo đầu tiên của nước ta được xuất bản ở Sài Gòn 5 năm trước khi Tú Xương ra đời. Nhưng có lẽ trong hoàn cảnh sự giao thông liên lạc bấy giờ, thậm chí khó lòng nói chắc rằng nho sĩ Trần Tế Xương biết có một tờ báo như thế tồn tại ở trên đời để tính chuyện cộng tác. Tương tự như vậy, cũng không ai dám đảm bảo Đại Nam đồng văn nhật báo, sau đổi là Đăng cổ tùng báo (do Schneider cho làm ở Hà Nội, có phần chữ Hán do Kiều Oánh Mậu phụ trách) có dịp đến với đồng đảo cư dân thành Nam, để nhà thơ của xứ non Côi sông Vị này có được cách nghĩ rộng ra về sự tồn tại của một ngòi bút như mình và có thêm những chủ định trong sự sáng tạo. Theo các tài liệu viết về lịch sử báo chí nước ngoài, thì ngay từ đời Đường Trung Quốc đã có tờ Đế báo, từ 1355 một ấn phẩm được các nhà nghiên cứu sau này tạm mệnh danh là Gazette de Pékin đã được nhà Nguyên cho phát hành, và từ 1800, triều Thanh đã có báo ra hàng ngày, báo in vào những mảnh lụa vàng, khâu liền với nhau v.v... Có điều, đây là chuyện ở bên Tàu. Ông cha ta có qua đó học nghề in mộc bản, thì cũng chỉ mới là để in sách cho mấy nhà Quảng Văn Đường, Liễu Văn Đường... tóm lại học làm xuất bản, chưa ai có ý niệm gì về báo cả. Nếu có tính đến mấy ông nhà nho chuyển sang viết báo, thì người ta phải đợi đến thập kỷ thứ hai của thế kỷ XX, khi Phan Kế Bính viết cho Đông Dương tạp chí, Nguyễn Bá Học viết Nam phong, Tân Đà làm Hữu thanh hoặc Phan Khôi giữ chân thợ bút cho Phụ nữ tân văn. Trước đó, nhà báo ở ta thuần túy là lớp trí thức mới được Pháp đào tạo (Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh). ấy là những sự kiện được lịch sử công nhận.

Tuy nhiên, nếu căn cứ vào nội dung các bài thơ mà Tú Xương để lại, người ta lại không khỏi có ý nghĩ rằng ông nhà nho này sinh ra để làm báo. ở ông luôn luôn có tư duy của một ký giả, chẳng qua sinh bất phùng thời, không gặp cơ may để thi thố ngòi bút cho đúng lúc thôi, chứ



thật ra ông phải là người của trường văn trận bút hiện đại thì mới phải.

Chất báo chí trong thơ Tú Xương được bộc lộ ở mấy điểm:

1) Trong khi phần lớn thơ ca nho sĩ là thơ ca hướng nội, thì thơ Tú Xương "hướng ngoại". Đối với ông, những chuyện đời Đường đời Tống ông phải học từ khi để chỏm chỏm có gì quan trọng. Mà ông luôn luôn đồng tai để lắng nghe các chuyện thời cuộc và tìm cách ghi lại nó trên mặt giấy. Chưa nói được về tình hình chung của cả xứ cả nước, thì ông nói về chuyện cái thành phố ông ở. Giá một tờ báo lớn nào đó ở Hà Nội, ở Sài Gòn muốn tìm cộng tác viên tại chỗ, chắc phải mời ông, vì ông thạo tin vĩa hè, biết đủ chuyện đầu đường xó chợ người ta đang đồn đại, và sẵn sàng làm những việc mà một phóng viên tập sự phải làm, tức là sẵn tin ở Sở cảnh sát, ở tòa án. Nhìn vào các loại việc mà thứ thơ "ống kính chụp nhanh" của ông đã có nhắc tới, nào ăn cắp vào nhà pha, nào sư ở tù, mán ngồi xe, nào cảnh mẹ vợ ngủ với chàng rể, cô ký lấy lẽ v.v... người ta dễ nghĩ tới mục Việt Nam nhị thập thế kỷ ba đào ký mà tờ An Nam tạp chí của Tân Đà sẽ mở.

2) Cũng rất gần báo chí là cái tư duy bám sát hiện tượng và sự vật của thơ Tú Xương. Ông thích mô tả, mà không thích tổng hợp vội, khái quát non. Nhân vật ông nói tới phải có cái tên cụ thể (ông ám Điềm, ông cử Nhu, ông đồ Bốn...), địa điểm xảy ra hành động cũng là những phố, những làng có thật (Hàng Lò, Hàng Nâu, Hàng Sắt v.v...). Đặc biệt, với Tú Xương bắt đầu cả loạt thơ chân dung viết về đủ loại: ông đốc, ông phủ, ông đội, ông lang, ông cò, cô đầu, lái buôn, bợm già, công chức thuộc địa v.v... Những con người có thật đó vào thơ ông sống động linh hoạt như ở ngoài đời mà vẫn gợi ra những ý nghĩ khái quát mà các bài báo sắc sảo phải có.

3) Nhiều sáng tác của Tú Xương hình như được viết rất nhanh. Sự việc vừa xảy ra là ông có thơ liền. Lại có những bài ông làm theo com-măng, theo đơn đặt hàng của người khác, mà vẫn chân thành, sâu sắc và gửi gắm được tâm sự riêng của mình. Cái lối làm việc có vẻ như không cần cảm hứng này rất gần với báo chí hiện đại.

4) Sau hết, nếu đi làm báo, Tú Xương sẽ là một nhà báo viết được nhiều thể tài khác nhau. Trong khi bị gò bó ở thể thơ thất ngôn, ông vẫn tỏ ra là một ngòi bút phóng túng, có thể bươn chải xoay xỏa đủ mặt hàng, từ phóng sự, đặc tả cho tới tạp ghi, phiếm luận, nhàn đàm... sau hết là cả dịch thuật nữa.

Từ trước đến nay, thơ văn của Trần Tế Xương thường được các nhà nghiên cứu ở ta xếp vào dòng thơ cổ điển, thứ thơ từ thế kỷ XIX về trước. Đã đến lúc, nên nói thêm rằng sáng tác của Tú Xương có những khía cạnh khá hiện đại, mà trước tiên con người tác giả hiện ra trong thơ đã là con người khá hiện đại. Được đào tạo chính quy từ nơi cửa Khổng sân Trình song ông xa lạ với mọi quan niệm sống khắc kỷ khổ hạnh mà các nhà nho tự ép xác để noi theo bằng được. Ông thích công khai nói lên những dự vọng vật chất, những khao khát thèm muốn thường xuyên lòng lộn vật vã trong lòng mình. Cay nghiệt trong nhận xét, xõ bồ thoải mái trong lựa chọn tài liệu, không ngại trâng tráo trong trình bày miêu tả, ông đã mang tới cho thơ ca một tiếng nói mới, tiếng nói của những thành thị đang hình thành.

Chất báo chí nói trong bài này bắt nguồn từ cái phần sâu xa đó trong con người Tú Xương.

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc nhau...

Tuy sống và viết chủ yếu vào ba chục năm cuối cùng của thế kỷ XIX, Tú Xương vẫn còn kịp biết đến 7 năm của thế kỷ XX. Ông mất khi Tân Đà ra đời đã 18 năm. Khái Hưng 11 năm, Tú Mỡ 7 năm và Nguyễn Công Hoan 4 năm.

Song đó chỉ là một trong những lý do để lý giải chất hiện đại trong thơ Tú Xương. Còn có những lý do khác quan trọng hơn, nó nằm ngay ở tâm lý tác giả, cách cảm nhận đời sống của tác giả... Bởi lẽ vào thời của mình, Tú Xương chưa có được các cuộc trò chuyện với bạn đọc nào khác ngoài thơ, có thể dự đoán ông không ngần ngại khi cần bộc bạch tâm sự của mình với hậu thế.

- Cuộc phỏng vấn của chúng tôi là để chuẩn bị cho một số báo tết. Chắc ông cũng thừa biết rằng ngày tết, dân ta nhiều người có thói quen tự nhiên là lằm nhằm lại vài câu của ông, những là "Anh em đừng tưởng tết tôi nghèo" với lại "Khéo bảo nhau rằng mới với me - Bảo nhau rằng cũ chẳng ai nghe".
- Người ta đọc tôi cả trong ngày thường ấy chứ.
- Dấu sao, tiếng pháo nổ, màu bánh chưng xanh, câu đối đỏ thường khiến ông xúc động?
- Nó chỉ là một dịp để tôi thấy cuộc đời phô bày rõ thêm những nhớ nhãng vốn có (cười). Và chẳng, tết nhất thường vẫn sẵn cái ăn cái uống. "Ý hấn thịt xôi lèn chặt dạ - Cho nên con tự mới lòi ra"; vào những ngày ấy, cái sự rậm rật có đến với các nhà thơ thì cũng là lẽ thường tình.
- Nếu thế e các thi sĩ thuần khiết lại cho rằng quá thiên về vật chất, không thanh cao, không đáng trọng, và biến thơ thành một thứ dung tục?
- Theo quan niệm an bản lạc đạo của nhà nho chứ gì? Cái đó tôi biết. Chính vì phải vùng vẫy để cố thoát ra khỏi sự kiềm chế vốn có - đúng hơn là tự kiềm chế, nông nổi của những kẻ bị nho học ngấm vào người quá lâu - mà thơ tôi đôi lúc có ngả sang giọng gay gắt và cả trảng tráo nữa. Nhưng nghĩ lại, vẫn thấy mình phải. Sẽ là vẻ vang, theo tôi, nếu một người làm thơ được xem là người phát ngôn cho những dực vọng và vạch vôi ra đủ thứ ham hố trần tục đang xé rách bao tâm hồn đồng loại.
- Hấn ông cũng biết rằng với một tuyên ngôn như thế, ông trở nên rất gần với con người hiện đại?
- Gần chứ. Chúng tôi gần nhau ở nhiều thứ. Nhu cầu tiêu thụ. Khao khát tiện nghi. Cảm giác về một sự náo động thường xuyên. Cảm giác về tốc độ. Nói thế không phải tôi vơ vào đâu mà thực sự đã có thơ tôi làm chứng.
- Nhưng về thơ, nói vậy là xa rời truyền thống thi ca dân tộc?
- Truyền thống điền viên? Tôi cho cái đó đủ rồi. Tôi muốn nói tiếp một cái mạch khác, mạch của Trạng Quỳnh, Trạng Lợn, thơ Hồ Xuân Hương... Tóm lại là mạch văn học đô thị, ở đó, con người thường xuyên cô đơn, khinh bạc, cay đắng, bồn chồn.
- Đời sống đô thị đánh mất ở người ta nhiều thứ, đó là điều ông không tính tới sao?
- Sự quân bình trong tâm hồn. Cảm giác gần gũi hòa hợp với thiên nhiên... Tôi đồng ý là đời sống tinh thần của con người đô thị có bị mất đi một ít nhân tố đẹp đẽ nào đó. Nhưng để bù lại, họ được làm giàu thêm bởi những nhận thức mới như trên vừa nói. Đúng ra, mỗi nhà thơ chỉ làm được một ít phần việc của mình. ở thời của tôi, để nói tiếp dòng thơ điền viên êm ả, đã có cụ Tam nguyên Yên Đổ. Cụ luôn luôn đi tìm sự yên ổn trong tâm hồn, và sự thực là đã tìm thấy. Còn tôi, tôi có việc khác. Chắc hậu thế các anh thừa hiểu rằng trong thơ Tú Xương người ta không còn thì giờ để ngắm nghía tán tụng về trăng, mà chỉ có những câu hỏi đặt ra với trăng thôi. Song, có phải vì thế mà thiên hạ không đọc thơ tôi đâu (cười). Này, nói vụng với nhau, trong cách nhìn nhận thiên nhiên, tôi còn hiện đại hơn khối ông thi sĩ làm thơ sau tôi vài chục năm, vào thời Thơ mới ấy nhé!
- Tú Xương còn hiện đại ở chỗ thường công khai nói thẳng về mình, sẵn sàng nhạo báng mình, cái đó cũng là do chủ định chăng?
- Con người không biết tự cười giễu, con người mà u mê đến nỗi toàn lo bóc thorn, tô công tụng đức cho mình thì dơ dáng quá, còn ra cái lý có gì để phải bàn! Đâu phải đến tôi, người ta mới biết tự trào. Tôi chỉ khác người ở chỗ nói bằng hết, nói tuột ra cả những bùng tuồng nhằm nhí vốn có.
- Nhà thơ trong ông không định dùng thơ để "tài đạo" và cá nhân ông không định làm mẫu cho mọi người nữa?
- Tôi xa lạ với mọi thứ văn chương giáo hóa. Chính đời tôi, tôi còn chưa tính được, tôi không rõ mình phong lưu hay túng kiết, trong sạch hay lằm lổ, không rõ nên sống ra sao, ước muốn cái gì... thì tôi còn khuyên dạy ai được. Để đến với sự thiêng liêng, tôi không biết đường. Trái lại, sự sống ở cái dạng suồng sã của nó, mới chính là điều tôi biết, vậy cứ nói ra, không chừng lại có ích cho kẻ khác.
- Nghe ra ông vẫn còn tâm huyết với thơ, với những điều ông đã viết. Ngược lại, trong một số

bài thơ, ông ra sức xỉ vả nghề thơ, nào là "một việc văn chương thôi cũng nhảm", nào là "muốn bỏ văn chương học võ biền"... Như thế là sao?

- Kinh nghiệm đời tôi bảo với tôi rằng: Người ta không bỏ nổi văn chương thì hãy làm văn. Nó là chuyện nghiệp chương. Không ai lại đi chọn nó cả. Tôi chán những kẻ lấy văn chương để lập thân, với lại chán những sự cảm động hão huyền, nước mắt ngắn nước mắt dài sụt sịt trong thơ lắm rồi. Lúc nào cũng leo lẻo nói đến tình, chưa chắc đã là kẻ có tình với đời, còn trong thứ thơ ngoa ngoắt chua cay như thơ tôi, có tình hay không, xin thiên hạ cứ đọc sẽ rõ.

- Nhân dịp năm mới, ông có nhắn nhủ gì thêm với bạn đọc?

- ở trên, các anh có bảo rằng giờ đây, người ta còn thích đọc thơ tết của tôi. Trong loạt thơ tết đó, hẳn anh biết bài *Lặng lặng* mà nghe nó chúc nhau. Mặc dù đã được viết ra ngót nghét trăm năm, nghe chừng bây giờ mấy câu cuối trong bài thơ ấy có vẻ vẫn hợp với các anh. Vậy cũng mong được xem như lời nhắn nhủ của một kẻ đã qua đời những năm đầu thế kỷ, gửi cho những ai đang sống những năm cuối cùng của thế kỷ này:

Bắt chước ai, ta chúc mấy lời  
Chúc cho khắp hết cả trên đời  
Vua quan sĩ thứ, người muôn nước  
Sao được cho ra cái giống người

## Đâu chỉ "Một trà, một rượu, một đàn bà"

### Cười 24H

Hôm nay 5 tháng 9 năm 2012, cách đây đúng 142 năm nhà thơ Tú Xương ra đời. Ông chỉ sống ở trên cõi đời này có 37 năm nhưng đã để lại cho hậu thế hơn trăm bài thơ đủ mọi thể loại thơ từ Thất ngôn bát cú; tứ tuyệt; phú; văn tế; câu đối; hát nói; lục bát. Ở thể loại nào Tú Xương cũng tỏ ra là một nghệ sĩ bậc thầy. Nguyễn Công Hoan suy tôn Tú Xương là bậc "thần thơ thánh chữ". Xuân Diệu xếp hạng Tú Xương thứ 5 sau ba thi hào dân tộc (Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương) và Đoàn Thị Điểm.

Nhân dịp sinh nhật ông, Cười 24H (từ lâu vốn ngưỡng mộ ông, coi Tú Xương như ông tổ của dòng thơ hài hước, châm biếm Việt Nam) xin mạn phép múa trộm "bàn phiếm" ít dòng để tỏ lòng tưởng nhớ đến tiền nhân.

### Tú Xương rất đẹp trai!

Trong tất cả các tài liệu nói về Tú Xương tuyệt nhiên không thấy có ảnh, nhưng dáng hình cụ Tú chắc chắn là cực kỳ đẹp trai, phong độ. Điều này được Cười 24H "suy luận" qua bài thơ của người bạn học tên Lương Ngọc Tùng tả về ông:

*"Cùng làng, cùng phố, học cùng trường  
Nhớ rõ hình dung cụ Tú Xương,  
Trán rộng, tai dày, da tựa tuyết,  
Mồm tươi, mũi thẳng, mắt như gương.  
Tiếng vàng sang sảng ngâm thơ phú,  
Gót ngọc khoan khoan dạo phố phường.  
Mấy chục năm trời đã vắng bóng,  
Nghìn năm còn rạng dấu thơ hương"*

Không đẹp trai sao được khi: Trán rộng, da trắng, mồm tươi, mũi thẳng, mắt sáng, thư sinh? Cũng chính vì đẹp trai như vậy nên các cô gái mê Tú Xương như điên đảo, đến nỗi mới 16 tuổi Tú Xương đã phải lên giường - xin lỗi, lên đường lấy vợ.

\*\*\*

### **Tú Xương cũng mê tín?**

Cả cuộc đời Tú Xương hầu như chỉ gắn liền với thi cử, tổng cộng 8 lần, đó là các khoa: Bình Tuất (1886); Mậu Tý (1888); Tân Mão (1891); Giáp Ngọ (1894); Đinh Dậu (1897); Canh Tý (1900); Quý Mão (1903) và Bính Ngọ (1906). Sau 3 lần hỏng thi mãi đến lần thứ tư khoa Giáp Ngọ (1894) ông mới đậu tú tài, nhưng cũng chỉ là tú tài thiên thủ (lấy thêm). Sau đó không sao lên nổi cử nhân, mặc dù đã khá kiên trì theo đuổi. Khoa Quý Mão (1903) Trần Tế Xương đổi tên thành Trần Cao Xương tưởng rằng bớt đen đủi, nhưng rồi vẫn trượt vô chuổi, Tú Xương đã câu sừn đến độ thốt ra thơ:

*“Tế đổi làm Cao mà chó thế,  
Kiện trông ra tiệp hời trời ôi!”*

\*\*\*

### **Tên Tú Xương được dùng để quảng cáo lò luyện thi!**

Ăn theo câu chuyện Tú Xương nổi tiếng thi hỏng, ngày nay có một trung tâm luyện thi đã quảng cáo rằng: “Bạn có biết rằng có những người thi tới 8 lần không đỗ, mặc dù họ không hề kém, đó là ai, xin thưa đó chính là Tú Xương! Vậy tại sao Tú Xương thi 8 lần đều trượt? Bởi vì Tú Xương đã không tới luyện thi đại học tại trung tâm của chúng tôi. Hãy đến trung tâm luyện thi đại học X, địa chỉ Y, số điện thoại Z để có số phận khác Tú Xương”.

\*\*\*

### **Tú Xương là nhà báo!**

Tú Xương có thể coi là một nhà báo đầu tiên ở VN vì tính báo chí trong thơ ông thể hiện rất rõ (trộm vía, nếu sống ở thời nay thì chí ít ông cũng là tổng biên tập một tờ nào đó).

Thơ Tú Xương như một tấm ảnh ghi lại những gì xung quanh, nào là ăn cắp vào nhà pha, nào sư ở tù, mán ngồi xe, nào cảnh mẹ vợ ngủ với chàng rể, cô kỹ lấy lẽ v.v...

Cũng rất gần báo chí là cái tư duy bám sát hiện tượng và sự vật của thơ Tú Xương. Ông thích mô tả, mà không thích tổng hợp vội, khái quát non. Nhân vật ông nói tới phải có cái tên cụ thể (ông ám Điềm, ông cử Nhu, ông đồ Bốn...), địa điểm xảy ra hành động cũng là những phố, những làng có thật (Hàng Lò, Hàng Nâu, Hàng Sắt v.v...). Đặc biệt, với Tú Xương bắt đầu cả loạt thơ chân dung viết về đủ loại: ông đốc, ông phủ, ông đội, ông lang, ông cò, cô đầu, lái buôn, bợm già, công chức thuộc địa v.v... Những con người có thật đó vào thơ ông sống động linh hoạt như ở ngoài đời mà vẫn gợi ra những ý nghĩ khái quát mà các bài báo sắc sảo phải có. Nhiều sáng tác của Tú Xương hình như được viết rất nhanh. Sự việc vừa xảy ra là ông có thơ ngay. Lại có những bài ông làm theo theo đơn đặt hàng của người khác, mà vẫn chân thành, sâu sắc và gửi gắm được tâm sự riêng của mình. Cái lối viết có vẻ như không cần cảm hứng này đích thị là một kiểu rất gần với báo chí hiện đại. Nếu là nhà báo, Tú Xương sẽ là một nhà báo viết được nhiều đề tài, thể loại khác nhau. Trong khi bị gò bó ở thể thơ thất ngôn, ông vẫn tỏ ra là một ngòi bút phóng túng, có thể “xoay phỏm” đủ kiểu, từ phóng sự, đặc tả cho tới tạp ghi, phiếm luận, nhàn đàm... thậm chí là cả dịch thuật nữa.

\*\*\*

## Tú Xương là “thần tượng” của đàn ông Việt!

Chỉ với 4 câu thơ, Tú Xương đã làm đàn ông VN đến tận hàng trăm năm sau vẫn tỏ rõ sự “ngưỡng mộ, biết ơn” khi ông đã nói rõ lòng họ một cách đầy công khai nhưng cũng thật... tinh tế trong bài thơ Ba cái lãng nhăng đáng được lọt vào top những bài thơ đi cùng năm tháng:

*Một trà một rượu một đàn bà,  
Ba cái lãng nhăng nó quấy ta.  
Chừa được cái gì hay cái nấy,  
Có chǎng chừa rượu với chừa trà!*

\*\*\*

## Tú Xương là người tình tuyệt vời của vợ

Với đàn ông thì Tú Xương đã thành tấm gương cao cả, với phụ nữ Tú Xương cũng khiến họ có thể dâng hiến cả đời cho nhà thơ bởi những “tuyệt phẩm siêu nịnh vợ” với những dòng thơ như rút từ gan ruột của mình, đó là các bài “Thương vợ”, “Văn tế sống vợ”, hình ảnh người vợ trong thơ Tú Xương hiện lên đẹp đến mẩu mực như hình ảnh phụ nữ VN điển hình với những câu:

*“Quanh năm buôn bán ở mom sông  
Nuôi đủ năm con với một chồng  
Lặn lội thân cò nơi quãng vắng  
Eo sèo mặt nước buổi đò đông...”*  
(Thương Vợ)

Dâng hiến cho chồng (ở đây là Tú Xương) cả vật chất lẫn tinh thần chưa đủ, trên thực tế vợ của nhà thơ còn dâng hiến cho ông đến tận 8 người con (6 trai, hai gái) chứ “năm con với 1 chồng” là nhà thơ tài hoa và khỏe mạnh phong độ của chúng ta còn chưa “liệt kê” hết ở thời điểm sáng tác bài thơ “nịnh vợ” siêu kinh điển này. Cười 24H tin chắc rằng bất kỳ một người vợ VN nào “vô tình” đọc được những dòng thơ biết ơn và ngưỡng mộ vợ đến vậy trong nhật ký bí mật của chồng mà không nở một nụ cười mãn nguyện đồng thời nhũn như con chi chi và mất hết sức chiến đấu thì không thể nào là phụ nữ! Càng nói càng phục cái tài Tú Xương đến sát đất. Nói không ngoa thì đây có thể coi là một trong những “điệu kế” hàng đầu của “Bình Pháp trị Vợ”. Riêng điều này đã đủ để Tú Xương trở thành một Hưng Đạo Vương trong Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

\*\*\*

## Chỉ duy nhất Tú Xương làm được

Tú Xương còn là hiện tượng hiếm trong lịch sử thơ phú Việt Nam: Tú Xương có “môn phái”, “môn đệ”. Tên của ông là Trần Tế Xương, có lúc đổi thành Trần Cao Xương. Nhưng đây là chữ “xương” với nghĩa “thịnh vượng” (còn có nghĩa là đẹp, thẳng). Sách xưa có câu “Đức giả xương” (người có đức, thịnh vậy). Không phải là xương theo nghĩa “xương thịt”. Nhưng người đời sau, mấy vị chuyên làm thơ trào phúng đã cố tình đùa nghịch và “hư cấu”, gán cho cái nghĩa xương thịt, để rồi tự nguyện suy tôn Tú Xương (thịt) lên bậc tổ sư, còn mình là môn đệ. Và như thế là lịch sử văn học Việt Nam ở thế kỷ 20, 21 bỗng nhiên có một “môn phái” gồm Tú Xương, rồi Tú Mỡ, Tú Sụn, Cử Nạc... và ngay cả ở 24H cũng có Cử Tạ và Tú Jap, dù không nổi tiếng... tai tiếng!

## Giải ảo tình khúc áo bông Phanxipăng

Hiện nay, áng thơ *Áo bông che đầu / Áo bông che bạn / Nhớ bạn / Tự tình* của Trần Tế Xương chất chứa bao điều u ẩn mà hậu thế cần giải ảo. Nhân vật *ai* là những ai? Phải chăng địa danh *Tam Đảo* trong áng thơ chỉ dãy núi đá ở vùng đông bắc nước ta nổi tiếng về du lịch nghỉ dưỡng? *Than ngô* hay *thương ngô* hay *Thương Ngô* nhỉ?.

Vì hàng lý do khách quan lẫn chủ quan, nhiều tác phẩm của Trần Tế Xương / Tú Xương (1870 - 1907) lưu truyền lấm dị bản. Áng thơ mà chúng ta đang khảo sát là ví dụ tiêu biểu. Nhan đề tồn tại ít nhất 4 kiểu khác nhau. Như *Áo bông che đầu*, *Áo bông che bạn*, *Nhớ bạn*. Lại có bài thơ là *Tự tình*. Nội dung cũng tam sao thất bản, nên ở đây xin trưng bản mà cá nhân tôi cảm thấy ưng ý:

*Ai ơi! Còn nhớ ai không?  
Trời mưa, một mảnh áo bông che đầu.  
Vi ai, ai có biết đâu!  
Áo bông ai ướt? Khăn đầu ai khô?  
Người đi Tam Đảo, Ngũ Hồ,  
Kẻ về khóc trúc Thương Ngô một mình.  
Non non nước nước tình tình,  
Vi ai ngờ ngẩn cho mình ngẩn ngờ!* <sup>(1)</sup>

### Ai là ai?

Trong áng thơ lục bát này, thủ pháp trùng âm điệp ngữ được phát huy quá đổi tài ba tương tự những khúc dân ca tuyệt diệu. Đại từ *ai* chỉ 2 nhân vật khác nhau. Một *ai* chỉ nhà thơ. Một *ai* chỉ bạn của thi sĩ. Vấn đề đặt ra: bạn đó là kẻ nào?

Theo ý kiến của một số người, đó là bạn cùng giới với Tú Xương. Sách *Thơ Trần Tế Xương* chú thích: "Bạn của nhà thơ đến thăm gặp mưa, nhà thơ phải cởi áo bông của mình che đầu cho bạn khỏi ướt. Bây giờ bạn đã đi xa, nhà thơ nhớ bạn và nhớ sự việc cũ". Có người thấy loạt từ láy *Non non nước nước tình tình*, lại liên hệ một số áng thơ khác của Tú Xương như *Nhớ bạn phương trời*, bèn đoán rằng đó là nhà cách mạng Phan Bội Châu (1867 - 1940). Một số người lại nghĩ rằng đó là bạn khác giới với Tú Xương, thậm chí là những cô đầu *Hồng Hồng Tuyết Tuyết* <sup>(2)</sup> hành nghề hát ả đào. Nhà văn Nguyễn Công Hoan (1903 - 1977) từng nhận xét: "Không có công gì nhiều và to nữa, ngoài một lần che khăn đầu bằng áo bông của mình và ông nhận cái ý khăn đầu ấy, cái việc nhỏ nhặt tầm thường này đáng lẽ không đáng kể là công đâu. Khốn nhưng không kể ra thì lấy gì mà nhắc để hỏi: *Ai ơi! Còn nhớ ai không?*"

Cho nên kể cái công nhỏ nhặt tầm thường mà lại duy nhất này. Thoạt mới nghe thì thật buồn cười (vì Tú Xương vốn có tài hài hước), nhưng nghĩ kỹ ta thấy cái cử chỉ lấy áo bông của mình che đầu người khác mới dịu dàng làm sao! Nó phải là cái cử chỉ của một người ưa dịu dàng. Và cái cử chỉ càng nhỏ nhặt và tầm thường bao nhiêu, càng tỏ ra lòng yêu mến nâng niu của mình to lớn và đặc biệt bấy nhiêu. Cái người ưa dịu dàng, cái người được triu mến nâng niu ấy phải là một người liễu yếu đào tơ để mặc anh đàn ông chiều chuộng mình. Hoặc nếu quá ra thì là một người đàn bà ồng ọ đòi người đàn ông chiều chuộng mình. Vậy là người đàn bà này phải là người cô đầu nay đây mai đó (*Người đi Tam đảo, Ngũ hồ*) mà Tú Xương gặp lại, chứ không phải người đàn bà con nhà tử tế. Vì thời này đàn bà con nhà tử tế không ai đi với bạn đàn ông. Và nếu có thì khi người bạn đàn ông có che áo bông lên đầu mình dù có thích mấy đi nữa, cũng chỉ mỉm cười và sẽ hất tay người ấy ra".

Kỳ thực, người đó rất đàng hoàng và đích thị tình nhân một thuở của Trần Tế Xương. Nàng là một tiểu thư đất Nam Định, tục danh Cỗn, con gái út của tiến sĩ Vũ Công Độ<sup>(3)</sup>. Nhóm thực hiện sách *Tú Xương - tác phẩm, giai thoại* bao gồm Nguyễn Văn Huyền (chủ biên), Đỗ Huy Vinh, Mai Anh Tuấn căn cứ vào lời thuật của một số bô lão ở Vị Xuyên mà ghi chép: "Khi còn trẻ, hai người đã yêu thương nhau, nhưng gia đình ông Nghè không thuận. Cô Cỗn phải lấy chồng ở xã Mai Xá (nay thuộc ngoại thành Nam Định), tên là Hai Đích. Năm 23 tuổi, chồng chết, cô trở về Nam Định, ở vậy, nuôi con.

Ông Tú cũng đã lấy vợ, trái tim vẫn lưu luyến mối tình xưa, nhưng không vượt quá khuôn khổ. Bài thơ này làm nhằm một đêm nhà thơ si tình, lượn qua nhà người tình cũ, gặp mưa, phải lấy vạt áo bông che đầu, càng thỗn thức khôn nguôi".

Xin nêu thêm một số chi tiết thú vị. Mặc dù goá bụa lúc còn quá trẻ, lại xinh xắn khéo giỏi, nàng Cỗn được nhiều "đại gia" ve vãn, song quả phụ cương quyết giữ lòng trung trinh thờ chồng và nuôi con, bởi thế khi nàng 50 tuổi đã được vua Khải Định ban tặng 4 chữ *Tiết hạnh khả phong*. Quả phụ Hai Đích, tức nàng Cỗn, chỉ có một mụn con gái mang họ tên Hoàng Thị Sinh. Sinh lớn lên, kết hôn với quan huyện Vũ Thiện Thuật, sinh hạ nhà thơ Vũ Hoàng Chương (1916 - 1976).

### Tam Đảo ở đâu?

Dòng thơ *Áo bông ai ướt? Khăn đầu ai khô?* gói ghém muôn tâm tình quá khó diễn đạt rõ ràng rành mạch đủ đầy. Từ *khăn đầu* được sách *Tú Xương - tác phẩm, giai thoại* chú giải: "Phụ nữ ngày trước thường đội khăn. Đây có thể chỉ khăn tang chồng (ứng với hai câu dưới)".

*Người đi Tam Đảo, Ngũ Hồ* có nghĩa di chuyển tới nơi đâu? Nửa sau áng thơ này được nhạc sĩ Phó Đức Phương phổ nhạc thành bài hát *Người đi Tam Đảo*. Nghe ca khúc nọ, cũng như đọc tác phẩm của Tú Xương, rất đông người đinh ninh rằng Tam Đảo là dãy núi đá gồm 3 đỉnh Thạch Bàn, Thiên Thị, Máng Chi / Phú Nghĩa. Với diện tích khoảng 850km<sup>2</sup>, đỉnh cao nhất 1.310m, khu vực Tam Đảo được Pháp xây dựng 163 ngôi biệt thự, tạo lập thị trấn nghỉ mát từ đầu thế kỷ XX, cách Hà Nội 68km.

Vậy Ngũ Hồ ở chỗ nào? Tam Đảo hiện gồm Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Tuyên Quang chẳng có Ngũ Hồ. Há lẽ là Ngũ Hồ nơi rừng núi Bạch Mã ở tỉnh Thừa Thiên - Huế? Hay Ngũ Hồ là 5 hồ nước dưới chân núi Phú Sĩ ở Zamanashi, Nhật Bản? Hay là Đại Ngũ Hồ / *Laurentian Great Lakes* gồm 5 hồ Superior, Michigan, Huron, Erie, Ontario tọa lạc giữa Canada và Hoa Kỳ?

Chính xác, khi đề cập *Tam Đảo* và *Ngũ Hồ*, Trần Tế Xương liên tưởng những hồ lừng danh ở đất nước Trung Hoa. Đó là hồ Hàng Châu, còn gọi hồ Tây<sup>(4)</sup>, tại tỉnh Chiết Giang. Với diện tích 6,3km<sup>2</sup>, hồ Hàng Châu nổi tiếng bao đời qua mấy chữ *nhất sơn, nhị đê, tam đảo, ngũ hồ* 一山, 二堤, 三島, 五湖. Nhất sơn là 1 ngọn núi, thực chất là đồi, mang tên Cô Sơn. Tam đảo gồm 3 đảo Nguyễn Công Đôn, Hồ Tâm Đình, Tiểu Doanh Châu. Ngũ hồ gồm 5 hồ Ngoại Tây, Ly Tây, Hậu Tây, Tiểu Nam, Nhạc. Đó cũng là hồ Nhị Hải / Nhĩ Hải tại tỉnh Vân Nam. Từ xa xưa, với diện tích 250km<sup>2</sup>, hồ Nhị Hải đã được khái quát qua mấy chữ *tam đảo, tứ châu, ngũ hồ, cửu khúc* 三島, 四洲, 五湖, 九曲. Tam đảo gồm 3 đảo Kim Thoa, Ngọc Kỳ, Xích Vãn. Ngũ hồ gồm 5 hồ Liên Hoa, Thái, Tinh, Thần, Chủ.

Lưu ý rằng Ngũ Hồ còn chỉ 5 hồ Động Đình chủ yếu tại tỉnh Hồ Nam, bao gồm Đông Động Đình, Vạn Tử, Mục Bình, Đại Thông, Hoành Lĩnh, Lộc. Ngũ Hồ lại trở hồ Động Đình và các hồ lân cận, gồm 5 hồ Thái, Thanh Thảo, Xạ Dương, Đan Dương và Cung Đình. Và Ngũ Hồ cũng là danh từ chỉ 5 hồ to lớn với phong cảnh đẹp của Trung Hoa là Động Đình, Hàng Châu, Phan Dương, Sào, Thái.

Tam Đảo và Ngũ Hồ được các sách chú thích ra sao? *Thơ Trần Tế Xương* ghi: "Thắng cảnh ở Trung Quốc nhưng cũng có nghĩa là hai tiên cảnh". *Tú Xương - tác phẩm, giai thoại* ghi: "Là cảnh tiên, cảnh đẹp (ở Trung Quốc). Cả câu ý nói chồng bà Hai đã đi xa, về nơi tiên cảnh". *Tú Xương toàn tập* ghi: "Hai thắng cảnh ở Trung Quốc, cũng có nghĩa là hai tiên cảnh. Câu này có ý nói là chồng bà Hai đã đi xa về nơi tiên cảnh (đã mất)".

### Than ngô hay thương ngô hay Thương Ngô?

Soạn tiểu luận *Thơ Tú Xương / Đọc thơ Tú Xương* in trong một số thư tịch, như tập II *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* (NXB Văn Học, Hà Nội, 1982) và *Trần Tế Xương - về tác giả và tác phẩm* (NXB Giáo Dục, Hà Nội, 2003), Xuân Diệu (1916 - 1985) bình luận: "Tú Xương đã viết một giọng văn kín đáo hai nghĩa, vì như thế tiện hơn. *Người về khóc trúc than ngô một mình*, hiểu nghĩa văn học thì *khóc trúc* là trúc mà hai bà vợ vua Thuấn khóc chồng đã vấy nước mắt vào, làm cho lóm đốm; *than ngô* là cây ngô đồng trong thơ cổ, hiểu nôm na thì trúc với ngô là ở nông thôn, *khóc trúc than ngô* là khóc cho nhân dân mà đa số là nông dân".

Một số tài liệu chép áng thơ này, không ghi *than ngô* mà *thương ngô*. Thế có nghĩa yêu thương cây ngô đồng hoặc quả bí ngô hay trái bắp ngô ư?

Thực ra, đây là một điển cố văn học, chính xác phải *khóc trúc Thương Ngô*. Vì là địa danh, Thương Ngô cần được viết hoa. Truyền thuyết kể rằng vào thời Ngũ Đế, vua Thuấn đi tuần thú phương nam, chẳng may tạ thế khi đến đất Thương Ngô ở lưu vực sông Tương - chi lưu chính của Trường Giang tại tỉnh Hồ Nam - khiến hai bà phi xinh đẹp là Nga Hoàng và Nữ Anh (con của vua Nghiêu - kẻ đã nhường ngôi cho vua Thuấn) tìm đến dòng sông nọ mà khóc lóc thảm thiết khiến nước mắt nhỏ xuống những cây trúc tạo vết lóm đốm chẳng phai, hình thành giống trúc Tương phi, tức *trúc Thương Ngô*. Khóc xong, hai bà phi nhảy xuống sông tự trầm. Điển cố liên quan sông Tương như *giọt Tương* hay *mạch Tương* cũng xuất phát từ tích ấy.

Thương Ngô / 蒼梧 / Cangwu còn gọi Cửu Nghi / 九疑 / Jiuyi là núi trời 9 ngọn hao hao nhau, hiện đã trở thành Vườn quốc gia của Trung Hoa. Trong tập *Bắc hành tạp lục*, thi hào Nguyễn Du (1766 - 1820) từng sáng tác đôi bài thất ngôn bát cú *Thương Ngô tức sự* và *Thương Ngô mộ vũ*, cùng chùm 15 bài thất ngôn tứ tuyệt *Thương Ngô trúc chi ca*.

Trần Tế Xương gieo vần gọn ghẽ, mà rất gợi:

*Người đi Tam Đảo, Ngũ Hồ,  
Kể về khóc trúc Thương Ngô một mình.*

Không những ca ngợi nét chính chuyên của người tình xưa, thi sĩ còn xôn xang tác dạ nên bật đôi dòng lục bát nhằm kết thúc áng thơ. Thi khí dường nhẹ bỗng nhưng sao nổi niềm nặng trĩu:

*Non non nước nước tình tình,  
Vì ai ngơ ngẩn cho mình ngẩn ngơ!*

*Ai hoá ra kẻ. Ai hoá ra mình.* Tuy hai mà một. Tuy một mà hai.

Được giải ảo thoả đáng, tình khúc áo bông càng khiến bao lớp tri âm thuộc muôn thế hệ thêm bồi hồi xuyến xao khi thường thức.

(1) Khảo dị:

\* Dòng 1: *Hỏi ai ai có thương không? / Hỏi ai, ai đó thương không? / Hỏi ai, ai có thương không? / Hỏi ai, ai có nhớ không? / Ai ơi ai có nhớ không? / Ai ơi có nhớ chi không? / Ai ơi còn nhớ ai không?*

\* Dòng 2: *Đêm mưa, một mảnh áo bông che đầu.*

\* Dòng 3: *Rạng ngày, ai biết ai đâu? / Nào ai có biết ai đâu? / Nào ai có tiếc ai đâu?*

\* Dòng 4: *Áo bông ai ướt, khăn đầu ai khô?*

\* Dòng 5: *Người đi Tam đảo, Ngũ hồ,*



\* Dòng 6: *Kẻ về khóc trúc thương ngô một mình / Kẻ về khóc trúc than ngô một mình / Kẻ về khóc trúc than ngô sao đành?*

\* Dòng 7: *Non non, nước nước, tình tình,*

\* Dòng 8: *Vì ai tươi thắm cho mình ngẩn ngơ! / Vì ai lặn độn cho mình ngẩn ngơ!*

(2) Trích từ bài ca trù nổi tiếng của Dương Khuê (1839 - 1902).

(3) Vũ Công Độ (1805 - ?): Người làng Vị Hoàng, tổng Đông Mặc, huyện Mỹ Lộc, phủ Thiên Trường, tỉnh Nam Định; nay là phường Vị Hoàng, TP.Nam Định, tỉnh Nam Định. Vốn là giám sinh trường Quốc Tử Giám. 28 tuổi, đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Nhâm Thìn, niên hiệu Minh Mạng XIII, tức năm 1832. Bia đá còn lưu danh tại di tích Văn Thánh / Văn Miếu ở Huế. Làm quan đến chức Thái bộc tự khanh quyền Bố chánh Thái Nguyên.

(4) Tây hồ (bính âm: Xī Hú) là tên gọi nhiều hồ ở Trung Hoa - theo thống kê của Lonely Planet thì 800 hồ - và một số quốc gia khác. Nhật Bản có hồ Saiko. Việt Nam có hồ Tây ở Hà Nội.

## Nhà thơ Tú Xương Lại Nguyên Ân

### Lời dẫn của người sưu tầm

Bài viết dưới đây, kể về thân thế sự nghiệp nhà thơ Trần Tế Xương (1870-1907), là một tài liệu tương đối hiếm gặp trong báo chí cũ. Ngày nay ta hoàn toàn có thể đọc bài này như một chân dung văn học. Hơn thế ở bài này còn có những tài liệu hiếm thấy, nhất là những chi tiết tiểu sử nhà thơ thành Nam đất Bắc này mà ta sẽ hầu như được biết tới lần đầu tiên, mặc dù thời nay không dễ ai lập tức tin vào sự chuẩn xác của những lời kể “ngày xưa...” Tác giả Phạm Đình Ky [1] ghi ngay dưới nhan đề rằng nội dung bài này là “theo như lời thuật của một người con trai Tú Xương”, nhưng đây là ai? Các chi tiết là dữ liệu thì có gì làm căn cứ? Các chi tiết là nhận định thì ấy là nhận định của ai? Tất cả những điều mà người thời nay muốn biết rành rọt thì người xưa lại chưa sẵn sàng “khách quan” để cung cấp. Thế nhưng gặp được một tài liệu như thế này là không dễ, ta không nên bỏ qua.

Theo tôi nhớ, trong số các chuyên gia về Tú Xương chừng như chưa ai từng được đọc bài báo này; nó xuất hiện từ khá sớm, chỉ chừng trên 20 năm sau khi nhà thơ qua đời, nhưng hầu như không thấy công trình nghiên cứu nào về Tú Xương nhắc đến nó; việc nó xuất hiện vào năm 1931 hẳn không ngẫu nhiên: năm ấy bà Tú Xương mất, làng báo làng văn 3 kỳ hồi ấy nói không ít về người phụ nữ nổi tiếng này (nổi tiếng vì được ông chồng nhắc đến trong những bài thơ truyền tụng từ vài ba chục năm trước); có thể bài này đã xuất hiện trong không khí ấy.

Xin lưu ý là bài này đăng 5 kỳ trong “Phụ trương văn chương” của báo Trung lập ở Sài Gòn; kỳ cuối, ở cuối bài có ghi tắt mất chữ cái: A.N.T.C., - có thể hiểu là: bài này được đăng lại của An Nam tạp chí ở Hà Nội; song tôi chưa tìm thấy bài này ở tờ tạp chí của Tân Đà, do vậy cũng chưa thể nói đến việc đối chiếu sự sai biệt nếu có giữa hai bản in ngoài Bắc với trong Nam. Khi cho đánh chữ trên vi tính, tôi chỉ đổi lại các từ vốn của người viết Bắc kỳ mà có lẽ thợ in người Nam kỳ đã đổi khi sắp chữ in cho một tờ báo ở Sài Gòn khi ấy (ví dụ đổi tánh thành tính, chớ thành chứ, v.v...)

Tuy ngày chẵn 100 năm để làm giỗ Tú Xương (29/1/1907–29/1/2007) đã hơi lụi xa song tôi nghĩ vẫn chưa lỡ dịp để đưa tư liệu này đến tay bạn đọc.

\*\*\*

Ông Trần Tế Xương ở làng Vị Xuyên tổng Đông Mạc huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định. Ông sinh năm Canh Ngọ tức là năm 1869, khi còn bé học rất thông minh nhưng hay đặng tính, ấy chính là một cái bệnh chung của các bậc đại tài đó. Năm ông mới 17-18 tuổi đã nổi tiếng là người học trò giỏi. Lúc bấy giờ hẳn ông coi sự tranh lèo giựt giải ở chốn trường ốc tưởng dễ như trở bàn tay. Ấy là vì phần thì ông tự phụ thông minh, phần thì ông lại sinh trưởng ở xã Vị Xuyên là chốn thanh danh văn vật, thời bấy giờ trong làng ông kể đã có bốn năm cụ tiền bối thi đỗ đại khoa và nhất là cụ Trần Hy Tăng [2] liên trúng tam nguyên, làng khoa cử ai cũng đều biết tiếng.

Ông thấy cái bước trước của các cụ đã từng oanh oanh liệt liệt như thế, thành ra có chứa chan những điều hy vọng về bước sau này. Nhưng trời kia đã định, bất long đong để luyện lấy tài năng, mà thật vậy, nếu để cho ông được thanh thân trên bước khoa trường thì làm gì trên bãi Vị Hoàng Giang đến nay hình như vẫn thấy cái hồn thơ còn phảng phất.

Ông bắt đầu lều chiếu đi thi từ năm 19 tuổi, mãi đến khoa Giáp Ngọ là khoa cụ Cao Xuân Dục [3] ra làm chủ khảo thì ông mới đỗ được Tú tài, quyền thi của ông bị tì ố song văn thì tốt lắm nên cụ Cao cũng cố lấy đỗ Tú tài. Khi xướng danh, cụ Cao có bảo các học trò rằng: Ta nay thay mặt triều đình ra kén chọn nhân tài, vậy ta lấy các học trò đỗ là cốt ở văn chương chứ không phải là kén người ở cái tính tí mĩ! Ấy các bậc đại thần thay vua khai khoa thủ sĩ mà lại biết chấp kinh tòng quyền như cụ Cao thì ít có. Còn phần nhiều người thì câu nệ quá. Hiện nay ta hồi cố lại xem các cách thi cử lúc trước thì chắc ai cũng cho rằng quá nghiêm. Nào chỉ những chữ huý mà thôi đâu, còn cả đến lệ đồ, di, câu, cải cũng quá ngặt nghèo... Hễ người học trò nào mà đã phạm vào các thể lệ ấy thì dầu văn hay văn giỏi đến đâu mặc lòng, cũng đành bị yết tên ra bảng con, nghĩa là bị loại.

Sau khi đã đỗ Tú tài rồi, ông phấn chí học hành, giao du nhiều, xem xét rộng nên văn chương càng ngày càng hay. Ai biết ông cũng phải bảo rằng ông là hay chữ. Nhưng ông thi mà không đỗ được một tí Cử nhân để lấy lối đi thi Hội thi Đình, không phải là tại văn chương, chỉ tại ông hay đặng tính. Ông thi khoa nào cũng phạm trường quy. Nay cứ xem câu thơ của ông thì biết:

Rõ thật nôm hay mà chữ dốt  
Tám khoa chưa khỏi phạm trường quy

Ông bảo rằng ông chữ dốt, nghĩa là thi không đỗ thì là dốt, chứ có phải thật là dốt đâu. Xem như văn thi của ông, nhiều lần kinh nghĩa và thơ phú, cả mấy đầu đều phê ưu, phê bình. Nhiều khi họ lại trích văn thơ của ông để in vào văn trường nữa.

Còn về phần nôm của ông thật là có đặc tài, nói thành thơ mà đùa cũng thành thơ, lời lẽ rất là lưu loát, ý tứ rất là sâu xa, xem như bài thơ “Hồng thi” có câu:

Học đã toi cơm nhưng chưa chín  
Thi không ngậm ớt thế mà cay

bài “Thương đạo học nho suy” có câu:

Sĩ khí rụt rè gà phải cáo  
Văn thi liều lĩnh đấm ăn xôi

Xét gia thế thì cụ thân sinh ra ông trước kia làm việc quan về bộ Lễ, sung chức Đẳng sĩ tá lang. Sau khi ông đã thi đỗ Tú tài rồi thì cụ xin hồi hưu, tháng ngày nhàn tản, khóm cúc chồi lan, thoát vòng kiểm toả bước ra ngoài, mặc sức điền viên vui với thú, câu thơ chén rượu, ván kiệu quân cờ. Trước kia cụ làm việc quan vẫn giữ được thanh khiết một niềm, đến sau ra coi việc dân,

cũng giữ được công bình một mực. Trong bài phú “Hồng thi” của ông có câu:

Tú rất bằng trong năm Giáp Ngọ nổi tiếng tài hoa;  
Con nhà dòng ở đất Vị Xuyên ăn phần cảnh nọ

(phần cảnh nọ tức là cái cối có thủ lợn [4] )

Câu này có ý nói rằng làng Vị Xuyên lúc bấy giờ các quan tư cũng nhiều, các chân khoa mục cũng lắm, thế mà cụ được dự vào phần cảnh nọ tưởng cũng là bực danh giá trong làng vậy.

Xét về hình dung thì người ông hơi cao, trán to miệng rộng, da trắng mắt dài, lúc thiếu niên rất là tuấn tú, tiếc rằng tiểu tượng của ông hiện nay không có, là vì lúc sinh thời ông không có chụp ảnh một lần nào.

Ông không những là văn hay, ông lại thêm có cái sức mạnh nữa, vì rằng khi ông còn bé ở nhà có học ít võ nghệ. Trong vòng từ 18 đến 25 tuổi thì ông mạnh lắm, hễ tối đến mà không vác được thức gì thật nặng để cho người mệt đi thì thật là khó mà ngủ đi được.

Người ông đẹp mà tiếng ông lại cũng tốt. Giọng ông hát hay là ngâm thơ thì nghe thật hay thật thú.

Ấy cái trò đòi cũng chả lấy chi làm lạ, phàm người hễ đã có tài thì là có tình, lúc còn thiếu thời ông cũng hay chơi bời lắm. Thời bấy giờ học trò nho còn danh giá lắm, bọn con gái có nhiều người mê ông và thích ông.

Có một bữa kia, ông đến chơi nhà một người bạn, nhà hàng xóm người ấy có một người đàn bà đã goá 3 đời chồng, mới vào trạc 30 tuổi, lẳng lơ trau chuốt, coi còn xuân. Người đàn bà đã biết tiếng ông, ngẫu nhiên hôm ấy đứng ở nhà dòm sang trông thấy ông, liền về phòng trang điểm rồi sang chơi ngay nhà người bạn ông. Lúc đến chơi ngồi ở nhà ngoài mà hai con mắt cứ nhìn vào trong nhà tại chỗ ông ngồi, rồi ra bộ thu ba tổng tình, ông thấy thế miệng cười tùm tùm rồi buột mồm hát lên một câu rằng:

Ba mươi ba bận chôn chồng  
Còn toan điếm phấn tô hồng chôn ai?

Lại một lần kia ông cũng đến chơi nhà một người bạn gặp lúc trời mưa ngồi buồn quá, ông mới đi ra hè xem nước giọt tranh chảy thì bỗng đâu trông sang bên nhà láng giềng có một người con gái rất xinh đẹp đương đem thau đồng ra lấy nước mưa để rửa quả dưa hồng. Ông trông thấy thú quá liền cao hứng đọc lên rằng:

Ước gì anh hoá ra dưa  
Để cho em rửa nước mưa chậu đồng  
Ước gì anh hoá ra hồng  
Để cho em bế em bông trên tay

Ông tính hay ham thích những bực danh ca, nghề đánh chầu ông rất là sành lắm, nên thơ ông có câu:

Ví dầu vua mở khoa thi trống  
Lạc nhận, xuyên tâm đủ ngón chầu

Ông thích chơi những câu ca tiếng hát để di dưỡng tính tình, ấy cũng là cái thú chung của các bậc văn nhân tài tử. Nhiều khi ca hứng ông tự làm ra các bài hát, rồi bắt ả đầu hát để ông nghe.

Tính ông hay chơi như thế thì tài nào mà chẳng túng, ông chỉ túng tiền để chơi thôi; trong khi túng ông đã có câu rằng:

Khi túng toan lên bán cả trời  
Trời cười thẳng bé nó hay chơi

Túng tiền chơi mà ông đã toan bán cả trời thì tưởng cũng thú vị thật. Nếu không phải là bậc văn nhân có tính khoáng đạt như ông thì sao có được cái khẩu khiêu như vậy.

Xét về gia tư, lúc sinh thời ông là người rất phong lưu, cụ thân sinh ra ông trước kia đã nổi tiếng là nhà giàu có. Lúc Đại Pháp đem quân hạ thành Nam Định lần thứ hai, dân tình xao xác, giặc cướp tứ tung, gái cũng khó giữ được trinh, giàu cũng khó giữ được của. Bấy giờ có dư đảng giặc Cờ Đen đã mấy lần định đến ăn cướp nhà cụ, song cụ cũng nhờ được có bọn gia đình giỏi nên không mất mát gì. Vì rằng trong thời quan ta, làng Vị Xuyên có được phép luyện tập một bọn võ sinh; bọn võ sinh ấy gặp cơn nguy cấp thì đem ra ứng dụng.

Ông nhờ được có cái cơ nghiệp giàu có của tổ phụ, ông giao du rất rộng, bấy giờ đã nức tiếng là tay hào hiệp. Vì thế các danh sĩ đương thời ở các nơi xa cũng đều tìm đến chơi.

Ông là người rất là thư thả, nhất sinh không phải lo đến cái kế gia đình bao giờ cả. Lúc còn bé thì ớn cha nhờ mẹ lên xe xuống ngựa, cửa rộng nhà cao, rước thầy rước bạn, tiền bút giấy, việc sách đèn, dầu tốn kém đến bao nhiêu cũng là không ngại.

Đến lúc ra ở riêng thì ông lại được một bà vợ hiền, thực trung hậu, rất đảm đang, bà chỉ chuyên buôn bán để lo liệu tất cả các công việc trong nhà. Đến cả như việc con đi học, chồng đi thi, nhất nhất cũng là một tay bà cáng đáng cả. Trong bài thơ “Đi thi” của ông có câu:

Đưa chân vợ tốn hai đồng chẵn  
Sờ bụng thầy không một chữ gì

Bà thì chuyên nghề buôn bán thóc gạo ở chốn bến Mom thuộc về đất làng Đệ Tứ ngoại trang. Chốn bến Mom trước là một nơi buôn bán rất là thịnh vượng, kẻ đi người lại, trên bến dưới thuyền, coi về thật là sầm uất. Ông có bài thơ tán dương đức tính của bà rằng:

Quanh năm buôn bán ở Mom sông  
Nuôi nấng năm con với một chồng  
Lặn lội thân cò khi quãng vắng  
Eo sèo mặt nước buổi đò đông  
Một duyên hai nợ âu đành phận  
Năm nắng mười sương dám kể công  
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc  
Có chồng hờ hững đã như không

Bài này hai câu thất bát, ông thống mạ những kẻ bạc tình, coi chồng như người dưng nước lã. Xem bài thơ này, tôi không khỏi ngậm ngùi than rằng: đời này phong hoá suy đồi, lòng người đen bạc, thần kim tiền ngày thêm trọng, đạo phu phụ ngày thêm khinh, thật là hiếm thấy các bậc hiền phụ như thế nữa.

Các bậc hiền phụ đời trước, có người chịu làm than khổn khổ, lo chạy ngược chạy xuôi để gánh vác giang san cho chồng. May ra mà ông chồng được thành đạt như ai thì ơn trên tử ấm thể phong, hiền vinh cũng được đơm chung hương trời. Bằng không nữa thì áo xiêm đùm bọc lấy nhau, cũng giữ trọn cái chức vụ tề gia nội trợ, suốt đời không từng có một lời ta thán.

Ông là người có tính trung thực, phàm hề thấy điều gì mà trái ngược với luân thường, bại hoại đến phong hoá, thì ông nhất thiết can thiệp đến ngay. Ông không sợ ai trách oán và cũng không sợ ai thù hiềm. Vì vậy trong lúc bình sinh, ông có làm nhiều những bài thơ kêu ngạo người đời.

Các người đương cuộc thì đều có ý giận ông và tức ông, song những người ngoại cuộc thì lại khen ông và bảo rằng ông làm như thế thật là một cách khuyên răn đời nhiều lắm, hay thì khen hèn thì chê, tưởng cũng là lẽ thường ở đời vậy.

Thành ra lúc ông còn bình sinh, hề ai có làm điều gì đê mạt hay có phạm lỗi gì xấu xa thì phạ phòng chỉ sợ ông biết đến chuyện rồi ông lại làm thơ kêu ngạo chằng. Cũng có người thì tự biết mình có lỗi, tự hạ đến thú với ông và xin ông đừng làm thơ nữa, sợ rằng tiếng tăm vỡ lở lại có nhiều người biết.

Lúc bấy giờ ở chốn thành Nam sau cơn loạn lạc, phố phường tụ tập đông đúc hơn xưa, nhưng mà phần nhiều dân cư tứ chiếng ăn xổi ở thì, thói phép ló lằng, nhiều điều đáng ghét; có nhà thì cha con lục đục, có nhà thì vợ bắt nạt chồng, có người thì keo bản tuyệt trần, lại có kẻ thì hợm tiền hợm của. Ông thấy những sự ngứa tai trái mắt ấy không thể đừng được nên mới có câu thơ sau này:

Nhà nào thói phép con khinh bố  
Mụ nọ chanh chua vợ chưởi chồng  
Keo cú người đâu như cứng sắt  
Tham lam chuyện thờ những hơi đồng  
Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh  
Có đất nào như đất ấy không?

Lại như ông sư làng Vị Xuyên chả biết tội tình gì mà cũng bị ở tù, ông có câu rằng:

Quảng đại từ bi cũng phải tù  
Hay là sư cụ vụng đường tu?  
Tụng kinh cứu khổ ba trăm quyển  
Ý hấn còn quên một phép phù!

Một lần kia tại tỉnh Nam Định khuyết chân phòng thành, các người trong thành phố ra ửng cử cũng nhiều, người thì giỏi chữ nghĩa, kẻ thì sẵn kim tiền, song cũng không địch nổi với ông Quản Pháo là người có nhiều thần thể, quan Tây cũng quý quan ta cũng vì. Sau rồi kết cuộc lại ông Quản Pháo được lãnh chức phòng thành, thời bấy giờ gọi ông là Thành Pháo, ông có làm bài thơ rằng:

Tượng tượng xe xe lẻ cả rồi  
Sĩ đen sĩ đỏ chữa thành đôi  
Đố ai biết được thằng nào kết  
Tốt cũng chui mà mã cũng chui

Sau đó ông Thành Pháo làm việc quan được ít lâu rồi mất. Ông lại có bài thơ rằng:

Giấy hồng bó cuốn mượn tay người  
Bao quản công trình đắp cái thôi  
Kêu lắm lại càng xơ xác lắm  
Chỉ mang cái tiếng ở trên đời.

Ông không chỉ là chê người mà thôi đâu, người nào làm việc gì tốt ông cũng có thơ khen. Nay xem như bài thơ ông khen người đàn bà hoá chồng lúc còn trẻ tuổi, mấy phen biến cố một dạ sắt son, hương lửa ba sinh quyết chẳng ôm cầm thuyền ai như kẻ khác:

Mình nghĩ cô mình thực gớm ghê  
Chén son trọn vẹn nước non thề  
Cam thân gái hoá khi còn trẻ  
Như chuyện chồng xa lúc chữa về  
Nói nói cười cười theo lối phố  
Khăn khăn áo áo giữ màu quê  
Nhện còn tấp tểnh vương tơ mãi  
Cô chả như ai vẽ mặt hề

Xét về phương diện giao thiệp thì ông chơi bời với các anh em rất là có cảm tình. Nhiều người thích ông, thường hay đến chơi với ông luôn. Có người phải vắng ông chừng năm ba ngày thì lấy làm rất khó chịu. Thành thử hễ ông ở nhà ngày nào thì ngày hôm ấy trong nhà đông những khách. Các bạn bấy giờ đều công nhận rằng ông là người hiếu khách. Nhiều khi khách đến chơi nhà ông đông quá, đêm đến không có chỗ ngủ, đành phải cùng nhau thức nói chuyện cho đến sáng. Vì thế trong bài thơ "Đêm đông" của ông có câu:

Nào ai là kẻ tìm ta đó,  
Đốt đuốc soi lên kéo lẩn nhà

Trong đám khách đó cũng có người đến chơi nói chuyện, cũng có người đem văn thơ của mình đã làm đến nhà ông để bàn bạc câu được câu chăng. Nay cái cách bàn văn chương của ông thì lại kỳ quặc quá; ông hay tặng những người dốt, ông hay phỉnh những người ngông, vì thế thời bấy giờ trong đám làng nho ở Nam thành có nhiều người bảo phụ đặc biệt, có nhiều kẻ ngông cuồng lạ đời, ấy cũng bởi tay ông đào tạo nên cả. Trong đám những người ấy có người khen ông là người biết điều, có người thì bảo là anh ấy chơi được. Thành thử rồi người nọ bảo người kia, kẻ này mách kẻ khác, nên cái danh vọng của ông cứ mỗi ngày lan đi càng xa.

Danh tiếng của ông sờ dẽ khắp ai ai cũng biết, phần thì bởi học vấn văn chương, phần thì bởi cách ngôn ngữ giao thiệp, số là không bao giờ ông lại làm mất thể diện của bạn trong đám đông người, hoặc bạn ông có thua lựa kém về thì ông che chở bênh vực hoặc bạn ông mà có chuyện trò lỡ lời thì ông tìm cách nói tế toái cho trôi đi.

Ông có tính hay đi du ngoạn nên thường thường hay đi chơi xa, trong một năm ông chỉ ở nhà chừng ba bốn tháng, còn thì đi chơi đến tám chín tháng ở ngoài. Ông đi chơi núi chơi sông, chơi khắp nhà quê kẻ chợ, cũng có lúc thì nằm luôn ở xóm bình khang. Ông đi chơi như thế, nhiều khi cũng không cần mang của nhà đi. Đi đến đâu thì có đến đấy, hoặc các anh em bạn cùng đốn, hoặc các người quen biết tư giùm, nên dầu đi chơi xa đến đâu mặc lòng, ông cũng không ngại. Ấy đương buổi học nho thịnh hành như lúc bấy giờ mà người nào đã nổi tiếng là người hay chữ thì được tất cả xã hội quý mến biết là dường nào. Thơ ông đã có câu rằng:

Nay chơi Năng Tĩnh mai Hàng Giấy  
Khi ở sông Thương lúc tỉnh Hà

Trong bài phú "Thầy đồ" của ông có câu:

Cũng nhiều phen đi đó đi đây, thất điên bát đảo;  
Cũng lắm lúc chơi liều chơi lĩnh, tứ đốm tam khoanh.

Ông là người có tiếng văn hay thì ai cũng chắc rằng ông có nhiều học trò, nhưng mà không, ông hay đi chơi như thế thì còn thì giờ đâu mà dạy học được. Lúc sinh thời ông, nhiều nhà cũng có đưa con đưa cháu đến để học ông và cũng có nhiều người đã từng lều chiếu đi thi mà cũng còn muốn thụ nghiệp của ông để học lấy cái lối văn chương lối lạc. Nhưng mà ông cũng ít nhận những người đến xin học, vì rằng ông không có chí ngồi yên một chỗ để dạy học trò.

Ông thật không có chí ngồi dạy học trò, song cũng có khi bắt đắc dĩ mà ông phải dạy, ấy chính là con em trong nhà, nhưng chỉ có chừng 15 tuổi.

Năm ông 28 tuổi, buổi ấy nhà nước bảo hộ đang cần lấy những người để giúp về các công việc giấy má cùng sổ sách, nên hàng năm cứ mở kỳ thi ký lục, kỳ thi này chọn lấy những người am hiểu chữ nho cùng là thông chữ quốc ngữ, các nhà nho cũng lắm người quay ra con đường ấy.

Một lần có người khuyên ông và giục ông nên ra ký lục, nhưng ông còn mải ham đường khoa cử, những lắm le bia đá bảng vàng. Bấy giờ ông có câu thơ rằng:

Ông có đi thi ký lục không?  
Nghe ông quốc ngữ học chưa thông  
Ví dù nhà nước dùng ông nữa  
Mỗi tháng lương ông được mấy đồng?

Lại đến năm ông 32 tuổi, có người thấy ông thi cử lận đận nên khuyên ông xin lên học trường Hậu bổ để ra làm quan (trường Hậu bổ lập ra được mấy năm về trước đó, các người có chân Cử nhân và Tú tài đều được phép vào học). Bấy giờ ông có làm bài thơ rằng:

Thôi thế thì thôi cũng dở nghề  
Mặc ai mai mĩa mặc ai chê  
Bạc đi lối díp về nhà đỡ  
Cờ đến sa cơ tính nước huề  
Chim những ngại ngừng khi trả nghĩa  
Cá toan xí xoá chuyện ăn thề  
Cũng đành nghề ấy xoay nghề khác  
Ta thử ra chơi một dạo hề!

Xem như bài thơ này thì lúc bấy giờ ông cũng nóng ruột muốn xoay ra làm quan, chắc hẳn ông nghĩ rằng: đạo làm con nên phải sớm lo, trên song đường tóc bạc da mồi, sự bất ý nào ai người đã chắc, thế mà ngọt bùi chung đỉnh mây may chưa chút báo đền, nên cũng toan dán thân vào chốn hoạn trường, bắt chước ông Mao Nghĩa đời xưa vị thân mà khuất. Nhưng mà ai đã biết đến những cái chí hướng của các bậc chí sĩ nhân nhân, thắm như son bền như sắt, bước gian nan khó lẽ đổi dời. Mà thật vậy, ông tuy nghĩ thì nghĩ, nhưng nào ông có học Hậu bổ đâu; chắc ông cho cái sự đi ra làm quan trong thời bấy giờ là không hợp với cái chí sở nguyện của ông.

Cứ xét xem việc này ông cũng đã nghĩ chín lắm đó. Nếu lúc bấy giờ mà ông quả có chí ham mê danh lợi, dấn thân vào bước hoạn danh, thì ngày nay quốc dân ít người muốn nhắc đến ông, chỉ coi ông như là các ông khác mà thôi chứ đâu lại có cái giá trị đặc biệt như vậy. Ấy mới biết cái việc xuất xử ở đời có can hệ đến cái danh tiết của người ta là thế đó.

Kể từ hồi ngoài 30 tuổi trở đi thì người ông xem ra khác trước nhiều lắm, có ý thâm trầm tư lự hơn, có vẻ cẩn trọng và nghiêm khắc hơn, đến cả cái phượng diện văn chương của ông cũng theo tuổi mà thay đổi hẳn đi, hề làm ra câu nào cũng ngụ có ý ưu thời mẫn thế.

Bài thơ “Đại hạn” có câu rằng:

Ngày trước biết gì ăn với ngủ  
Phen này lo cả nước cùng nô

Bài thơ “Nước lụt” thì có câu:

Trâu bò trói cẳng coi buồn nhĩ  
Tôm tép xem mình đã sướng chưa?

Hai câu này ý nghĩa sâu xa lắm. To như con trâu con bò mà đành chịu trói cẳng, ấy là cái thời vận không hay, bé như con tép con tôm mà được vùng vẫy khuêh khoang, cũng là nhờ có cơn nước lụt.

Ông phải ngồi một xó, kể cũng đã là buồn, kể đến những điều trông thấy khiến ông lại buồn thêm. Ông thấy những người ra làm việc với nhà nước bấy giờ phần nhiều người nghênh ngang đắc chí lắm, nên ông có câu thơ “Tự trào” rằng:

Nào có hay gì cái chữ nho?  
Ông nghề ông cống cũng nằm co!  
Sao bằng đi học làm ông phán  
Tối rượu sâm-banh sáng sửa bò!

Trong cái thời kỳ mà ông đã đứng tuổi rồi, thì ông cũng ít đi chơi như trước nữa, về việc thi cử thì ông đã nổi chí, đến bước đường đời trông thấy, ông lại càng thêm nản lòng. Cứ xem như bài thơ “Hồng thi” của ông có câu:

Một việc văn chương thôi cũng nhảm  
Trăm năm thân thể có ra gì

Bài thơ “Trò đời” của ông có câu:

Kẻ yêu người ghét hay gì chữ  
Người trọng người khinh chỉ vị tiền

Trong lúc ông buồn thì ông làm thật lắm thơ, bài nào cũng là ngụ có cái tư tưởng riêng của ông. Xem như bài thơ “Đêm mùa hạ” có câu:

Cũng không chớp bể chả mưa nguồn,  
Đêm nào đêm nao tớ cũng buồn.  
Bối rối tình riêng cơn gió thoảng  
Nhặt nhèo quang cảnh bóng trăng sông



Than ôi, cái tâm sự của ông bấy giờ khó nói thật. Mà tấm thanh cao, tác lòng thuần hiếu trời xanh có thấu, người thế ai hay. Giá có thể làm được chút đỉnh để báo đáp nước nhà thì rồi có phải chết cũng xin cam lòng hả dạ. Ông buồn quá, nghĩ quá thành ra cũng ít nói, ví thử ông ở nhà mà không có khách khứa nào đến chơi, thì ông chỉ ngồi ngẩn người ra rồi lại thở dài mà thôi.

Hồi ấy ông định ở nhà để dạy dỗ đàn con, để may ra sau này có phần mong nối nghiệp được chăng. Ông đã định thế, ông mới cố kèm cặp đàn con chăm chỉ lắm. Không những dạy về văn chương chữ nghĩa, lối ăn lễ ở cũng dạy, tiếng nói câu cười cũng dạy, mà phần nhiều ông dạy con trong lúc nửa đêm về sáng.

Có một đêm đã gần sáng, trống canh tự, trời mưa ngâu sinh sịch mãi không ngưng, ông thức dậy pha trà uống rồi đánh thức cả các con dậy ngồi quây quần bên mình. Lúc đó ông muốn thử xem cái khiếu thông minh của các con, ông liền bảo các con rằng: Bây giờ cha con ta cùng làm thơ chơi nhĩ. Có đứa nào biết làm không? Vừa dứt lời thì người con thứ ba, chừng tám, chín tuổi, thưa ngay lên rằng: Con xin làm với thầy. Ông nghe nói có bụng mừng thầm, song cứ như cái tuổi còn trẻ dại thế thì đã làm thơ sao được. Thế mà ông vẫn còn thử nữa, ông liền bảo người con thứ ba ấy ra ngồi trước mặt ông rồi ông đọc lên một câu rằng:

Mùa thu tháng bảy tối mưa ngâu

Ông đọc xong liền bắt người con phải nối, cậu ta ngồi nghĩ có một chút rồi nói ngay rằng:

Nắng mãi thì mưa lại cũng lâu

Ông tủm tỉm cười rồi lại đọc lên rằng:

Hạc nọ cầm canh thay trống mõ

Người con ngẫm nghĩ một lúc lại đọc ngay rằng:

Rồng kia phun nước tưới hoa màu

Ông thấy thế mừng quá, cười lên ha hả rồi lại ôm lấy người con ấy vào trong lòng, động tình quá liền khóc nức nở. Lúc ấy ông bảo người con ấy rằng: Chẳng biết thầy có sống mà dạy bảo con cho đến tuổi trưởng thành được không; người con thấy ông nói thế gục mặt xuống rồi cũng sụt sùi khóc. Thành thử hai cha con chỉ loanh quanh có thế rồi đến sáng bạch. Ôi chao ôi, ông trông thấy cảnh động tình, thương con luống những thương mình xót xa.

Ví dầu ông cứ như những ai làm gì chẳng được cậu ám cậu chiêu, nhưng cái tính khảng khái của ông chẳng bao giờ để cho ông làm đến những việc chẳng vừa lòng xứng ý.

Ấy thế mà nghiệm thật, câu chuyện vừa kể trên là vào khi ông 35 tuổi, thế rồi đến năm ông 37 tuổi thì ông mất. Đáng tiếc thay!

Ông mất năm ấy là năm Bính Ngọ, ngày rằm tháng chạp. Ông mất một cách rất là dung dị, uống rượu đi nằm rồi là thiêu hẩn đi một giấc. Chẳng dặn dò con cháu một câu nào.

Xét ra ông sinh cũng là năm Ngọ, khoa ông đỗ cũng là năm Ngọ, đến ông mất cũng là năm Ngọ. Cái tin ấy đồn đi, ai nghe thấy cũng cho là lạ, nhất là những bạn hữu của ông. Lúc ông mất còn để lại một đàn con sáu trai hai gái, song lúc ấy hãy còn thơ dại cả.

Xem lúc bình sinh ông vốn là người không ham danh lợi, thì chắc sau khi ông mất, gia tư cũng chẳng còn gì. Ông tuy không để của cải lại cho con cháu về sau, nhưng ông để lại cái tiếng thanh cao, cái duyên văn tự, không những con cháu ông được tiếng thơm lây, mà cái phiến cảm hoài trong các bạn làng thơ đến nay hãy còn lai láng.

[1]Về tác giả Phạm Đình Ky, tự (hoặc hiệu) Chu Cảnh, hiện chưa có tài liệu gì (các chú thích đều của người sưu tầm).

[2]Trần Hy Tăng hay Trần Bích San (1840-77) tự Vọng Nghi hiệu Mai Nham, đỗ Giải nguyên, Hội nguyên, Đình nguyên (1865), làm quan đến Tả tham tri bộ Lễ; năm 1877 được vua Tự Đức cử làm Chánh sứ cầm đầu phái bộ sang Pháp, từ trong triều về nơi tạm trú ông mất đột ngột, để lại thơ tuyệt mệnh; người ta nói ông tự sát vì không tán thành chủ trương đối ngoại của triều Nguyễn.

[3]Cao Xuân Dục (1842-1923) đỗ Cử nhân, làm quan đến Thượng thư bộ Học, tước An Xuân Tử, có thời gian làm Tổng tài Quốc sử quán, chủ biên nhiều công trình biên khảo quốc gia về lịch sử, địa lý.

[4]Cảnh nong: do chữ cảnh chỉ cái cỏ; nong cũng chỉ cái cỏ của vật bị giết thịt (theo L.m. An-tôn Trần Văn Kiệm: Giúp đọc Nôm và Hán Việt, Đà Nẵng, 2004), phân cảnh nong ở đây có lẽ chỉ loại cỏ có thịt thủ lợn, thịt cổ (vai) lợn, dành cho các kỳ mục và nhân vật hàng đầu làng xã trong những đình đám, khao vọng.

Nguồn: Trung lập, Sài Gòn, số 6469 (“Phụ trương văn chương” số 8, thứ bảy 20 Juin 1931); số 6475 (PTVC số 9, thứ bảy 27 Juin 1931); số 6481 (PTVC số 19, thứ bảy 4 Juillet 1931); số 6487 (PTVC số 11, thứ bảy 11 Juillet 1931); số 6497(PTVC số 13, thứ bảy 25 Juillet 1931)

\*\*\*

**Phụ đính I :**

**Mấy câu thơ trên bia mộ Trần Tế Xương, sửa sao cho đúng?**



Mộ Trần Tế Xương tại thành phố Nam Định

Ở mặt sau tấm bia trên bia mộ nhà thơ Trần Tế Xương nằm bên hồ thuộc công viên Vị Xuyên thành phố Nam Định có khắc hai câu thơ của cụ Nguyễn Khuyến nguyên văn như sau:  
“*Kìa ai chín suối Xương không nát  
Có lẽ **ngàn** thu tiếng vẫn còn*”.

Ở mặt trước tấm bia có khắc hai câu thơ của Trần Tế Xương, nguyên văn như sau:  
“*Vẳng nghe tiếng ếch bên tai  
Giật mình **lại** tường tiếng ai gọi ò*”.

Ở hai câu thơ của Nguyễn Khuyến nên sửa chữ “ngàn” thành chữ “nghìn” cho đúng. Ở hai câu thơ của Trần Tế Xương nên sửa chữ “lại” thành chữ “còn” cho được chính xác hơn.

\*\*\*

Chúng tôi xin Ban biên tập *Hồn Việt* vui lòng cho biết ý kiến, xem sửa như vậy đã thực chính xác chưa? Xin cảm ơn.

Học giả Nguyễn Quảng Tuân trả lời:

Chúng tôi đã xem lại một số sách báo cũ để tìm hiểu về hai câu thơ của Trần Tế Xương. Quyển *Văn đàn bảo giám* (Trần Trung Viên sưu tập, Nam Ký xuất bản năm 1926) đã chép bài *Sông lấp Nam Định* như sau:

*Sông kia rày đã nên đồng,  
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai.  
Đêm nghe tiếng ếch bên tai,  
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đờ.  
Việc đời nghĩ đến mà lo,  
Giàu sang có phận, đói no có trời.  
Ai ơi chơi kéo già đời!*

Nhưng quyển *Vị Xuyên thi văn tập* (Sở Cuồng Lê Dư sưu tập, Nam Ký xuất bản năm 1931) lại không có chép bài thơ ấy.

Mới đây, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học có cho in quyển *Tú Xương toàn tập* (Đoàn Hồng Nguyên biên soạn, Văn Học xuất bản năm 2010) trong có bài *Sông lấp* nhưng chỉ có 4 câu và câu thứ tư lại chép là: *Giật mình còn ngỡ tiếng ai gọi đờ* (dĩ nhiên là bản này có chú thích thêm các dị bản Nôm: *Văn đàn bảo giám* do Trần Trung Viên sao lục, Nam Ký thư quán xuất bản lần đầu 1926; *Thần thế và thơ văn Tú Xương*, Vũ Đăng Văn, NXB Cây Thông, Hà Nội, 1951; *Thơ văn Trần Tế Xương*, Hoàng Ngọc Phách – Lê Thước – Đỗ Đức Hiểu, NXB Bộ Giáo Dục, Hà Nội, 1957; *Tú Xương con người và nhà thơ*, Trần Thanh Mại và Trần Tuấn Lộ, NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1961...).

Qua hai quyển sách kể trên ấy, chúng ta thấy sự sao chép đã có khác biệt rồi nhưng ở câu thơ này nên chọn “còn tưởng” hơn là “còn ngỡ” vì âm hưởng của hai chữ ấy nghe thanh thoát và nhẹ nhàng hơn nhiều...

Riêng với đề nghị sửa chữa của ông Đỗ Thanh Xuân, chúng tôi nhận thấy:

- Nếu dùng chữ “lại” trong câu: “*Giật mình lại tưởng tiếng ai gọi đờ*” thì câu thơ không rõ nghĩa, người đọc có thể hiểu rằng *con sông còn chưa bị lấp* hoặc *đã bị lấp* vì chữ “lại” không minh định được thời gian. Hơn nữa, chữ “lại” viết với dấu nặng ( . ) thuộc trầm nhập thanh đọc nghe không thanh thoát bằng chữ “còn” viết với dấu huyền ( \ ) thuộc trầm bình thanh.

- Nếu dùng chữ “còn” thì câu thơ rõ hẳn nghĩa, minh định được thời gian con sông đã bị lấp rồi, nay chỉ *còn tưởng* đến cảnh gọi đờ ban đêm mà thôi.

Hơn nữa, chữ “còn”, như đã nói ở trên, thuộc thanh bằng nên câu thơ đọc lên có âm hưởng hơn nhiều.

Như vậy, việc sửa chữ “lại” thành chữ “còn” là đúng, nên làm để cho câu thơ có nghĩa chính xác.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin nói thêm về chữ “vẳng” trong câu “*Vẳng nghe tiếng ếch bên tai*”. Chữ “vẳng” là “*nói về cái tiếng ở xa xa đưa lại*” (*Việt Nam tự điển* – KTTĐ), nó rất yếu ớt, không thể làm cho người nghe phải “*giật mình*” được. Theo như vị trí của sông Vị Hoàng thì khúc sông này chảy qua thành phố Nam Định vào quãng các phố Hàng Nâu, Hàng Song, Hàng Sắt... , chảy sát bên phía đông của làng Vị Hoàng (sau đổi là Vị Xuyên) nên nhà thơ Trần Tế Xương đêm nghe ếch nhái kêu ở những bờ ao quanh nhà rất rõ ràng, như ngay ở “*bên tai*”.

Và tiếng ếch kêu to đã làm cho nhà thơ phải “*giật mình*” mà liên tưởng tới tiếng gọi đò lúc đêm khuya trước kia, nó chính là cái cảm khái của nhà thơ Tú Xương trước vận nước khi ấy.

Các bản sao chép thơ văn của Trần Tế Xương thường chép là “*Đêm nghe*”. Đúng! Phải là *về đêm* mà “*đêm càng về khuya*” thì tiếng gọi đò mới càng nghe rõ và mới càng có tính cách vội vã. Chữ này gợi lên hình ảnh của một người hoạt động yêu nước chống Pháp thời đó, lặn lội lúc đêm khuya, quên cả mọi hiểm nguy vất vả. Tác giả vì nỗi lòng cố quốc khôn nguôi nên *còn tưởng* ra như vậy.

Qua phần trình bày ở trên, chúng tôi cho rằng, hai câu thơ khắc ở tấm bia mộ Trần Tế Xương nên được chép là:

*Đêm nghe tiếng ếch bên tai,  
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò*

Chúng tôi lại cũng xin đề nghị nên khắc thêm chữ quốc ngữ kèm theo với chữ Nôm ở tấm bia mộ của nhà thơ Trần Tế Xương chứ nếu chỉ khắc bằng chữ Nôm như hiện nay thì không mấy người đã đọc được, tương cũng là điều đáng tiếc.